Mã Tổ Đạo Nhất (Con Tuấn Mã của Thiền Tông Trung Hoa)

Thiền Tông — sách & giảng giải

Mã Tổ Đạo Nhất : Con tuấn mã của Thiền Tông Trung Hoa.

I.Tiểu Sử :

Mã Tổ Đạo Nhất (709-788) người Đường Hán Châu (tỉnh Tứ Xuyên), họ Mã, thường được gọi là Mã Tổ. Từ nhỏ đã học tập Phật pháp, sau xuất gia tu hành. Ông tới Nam Nhạc Hành Sơn (tỉnh Hồ Nam) bái phỏng Nam Nhạc Hoài Nhượng, giác ngộ và được kế thừa pháp thống. Sau trụ trì ở Khai Nguyên Tự ở Giang Tây. Từ đó chấn hưng Thiền phong, lập nên một phái gọi là Giang Tây Tông. Người đời thường gọi Mã Tổ và Thạch Đầu Hi Thiên là "Nhị đại cam lộ môn". Về sau Mã Tổ phá sản sinh ra 2 tông phái : Lâm Tế Tông và Quy Nguỡng Tông. Học trò Mã Tổ để lại nhiều ngữ học lưu truyền đến ngày nay.

II. Công Án.

Mã Tổ là con cầu tự trong một gia đình Nho giáo. Vì không sinh được con trai để nói dõi tông đường nên bà mẹ lên chùa La Hán Tự ở Thập Đô cầu tự, không lâu quả nhiên mang thai. Lúc sanh ra đặt tên là Mã Câu. Lúc nhỏ ông rất ít nói, cũng không đùa nghịch như các trẻ khác. Một lần theo mẹ lên chùa lễ Phật, ông thấy mẹ thắp hương và quỳ lạy trước tượng Phật thì cũng bắt chước làm theo. Từ đó ông thường lên chùa học tập tụng kinh gõ mõ cùng các chú tiểu. Vị tăng trụ trì nhận ông làm tục gia đệ tử lại dạy ông các kinh Lăng

Già và Kim Cương. Ông có trí nhớ kinh người, chỉ nghe một lần là thuộc. Được 4, 5 năm một hôm trụ trì gọi ông lại bảo :

-Mã Câu ! Ta thấy con là một nhân tài, nay ta trao con một phong thư, con hãy đến Tư Châu tìm Đường hòa thượng là sư huynh của ta mà học Đạo.

Ông về nhà xin phép cha mẹ đi Tư Châu và được chấp thuận. Đến Tư Châu gập Đường hòa thượng, hòa thượng hỏi :

-Ông đến đây có chuyện gì ?

-Xin sư phụ xuống tóc cho con.

-Tại sao muốn xuống tóc ?

-Con muốn xuất gia.

-Tại sao muốn xuất gia ? Có phải vì cha mẹ mất, thi trượt, bần khổ hay thất tình ?

-Đều không phải, chỉ là muốn học thành Phật.

-Phật không thể học thành, học chỉ là ngôn ngữ có thành cũng chỉ là Phật gỗ, Phật bùn.

-Phật không thể học thành tại sao ánh mắt sư phụ lại tỏ đầy trí tuệ ? Mãnh hổ trải qua huấn luyện cũng trở thành hiền từ. Đạt Ma dùng một nhánh lau qua sông mà Thiền pháp được truyền khắp thiên hạ, sao nói Phật không thể học ?

-Nói hay lắm ta nhận con làm đệ tử, ngày mai sẽ xuống tóc cho con.

Hôm sau, Đường hòa thượng đặt pháp danh cho Mã Câu là Đạo Nhất.

-Đạo Nhất ! Đệ tử nhà Phật không được sát sanh, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, tham, sân, si. Con có giữ được các giới này không ?

-Con giữ được.

-Đạo Nhất, nay con là con nhà Phật, hãy theo các sư huynh đệ mà tu hành.

Học Đạo được 2 năm, một hôm Đường hòa thượng gọi Đạo Nhất vào thiền thất và bảo :

-Đạo Nhất, nay ta sắp nhập diệt, con hãy đến học với Vô Tướng là đệ tử được truyền y bát của ta.

-Không, con chỉ bái thầy làm sư phụ !

-Đạo Nhất, danh phận thầy trò chỉ là giả tướng, không nên chấp trước, vượt lên trên chấp trước thì mới có thể giác ngộ, con theo ta đã lâu sao lại không hiểu đạo lý này chứ ?

Đạo Nhất liền đến Tĩnh Chúng Tự gặp chấp sự tăng xin gặp Vô Tướng. Lúc đó Vô Tướng đang thuyết pháp ở đại điện. Đạo Nhất bèn đến đại điện nghe giảng pháp.

Vô Tướng nói :

-Các vị thiện tri thức, hôm nay tôi giảng cho quý vị tinh yếu của Thiền là 3 câu : vô ức, vô niệm, mạc vọng : Vô ức là giới, vô niệm là

định, mạc vọng là tuệ. Một tâm chẳng sanh là gồm cả giới , định, tuệ. Vô ức là không chấp những chuyện quá khứ, là không để tâm chạy theo ngoại cảnh nên là giới. Vô niệm là không tưởng đến những sướng khổ trong tương lai, nên nội tâm không bị phiền não, đó là định. Mạc võng là ngoài không bôn ba, trong không phiền não tâm như tro lạnh nên tịnh trí hiện tiền, giác tánh viên minh. 3 câu của tôi là giáo pháp của tổ Đạt Ma vậy. Hãy nhớ cho kỹ.

Hôm sau, Đạo Nhất được chấp sự tăng dẫn đến gập Vô Tướng. Vô Tướng hỏi :

-Sư phụ pháp thể thế nào ?

-Đường hòa thượng tuy tuổi đã cao, tinh thần vẫn còn minh mẫn, nhưng khí lực chẳng bằng trước .

-Tốt ! Tốt ! Ông đến đây là . . . ?

-Sư phụ muốn tôi đến đây theo Kim hòa thượng học pháp.

-Chẳng dám ! Ông và tôi là đồng môn huynh đệ sao dám làm thầy ông ?

-Sư phụ nói thầy trò chỉ là giả tướng phải vượt qua, hôm qua nghe Kim hòa thượng giảng vô ức, vô niệm, mạc vọng như được uống đề hồ, sao hôm nay hòa thượng lại chấp ức và niệm ?

-Xứ Tịch sư phụ và Đạo Nhất sư đệ đã nói vậy tôi chỉ đành phụng mệnh.

-Có một chuyện muốn hỏi, không biết có được không ?

-Xin cứ nói.

-Hôm qua nghe Kim sư phụ giảng 3 câu, nhưng chưa hề nghe Xứ Tịch nói qua, đây có phải là ngoài giáo truyền riêng không ?

-Hỏi hay lắm, Trí Tiên và Xứ Tịch sự thật không giảng qua, nhưng đó là tâm yếu của tổ Đạt Ma.

-Xin hỏi Kim hòa thượng, đệ tử có thể không truyền pháp yếu tu hành của bổn môn ?

Vô Tướng gật đầu.

-Phật môn chúng ta quan niệm, biết hơn sư phụ thì mới đáng truyền thọ, bằng sư phụ là giảm đức sư phụ đi một nửa. Nếu tôi cứ lời sư phụ thì là giết hết tổ sư và con cháu vậy.

Đạo Nhất do đó ở lại học với Vô Tướng. Một hôm Vô Tướng đang thuyết pháp bỗng dưng lại buồn bã. Một ông tăng hỏi :

-Sư phụ sao hôm nay có vẻ buồn vậy ?

-Sư phụ ta hiện đang nhập diệt.

Nói rồi hướng về huớng Đông-Nam vái lạy.

Đại chúng kẻ tin, kẻ không tin, người bi thương nhất là Đạo Nhất, tưởng đến sư phụ bệnh hoạn mà mình không có mặt để phụng dưỡng.

Vô Tướng bảo đại chúng :

-Trong khoảng trời đất, ông đến tôi đi, sanh diệt vô thường, sanh mạng bản lai là một loại duyên. Duyên tụ thì còn, duyên tán thì diệt. Sự việc trong đại thiên thế giới đều chẳng như vậy sao ? Hy vọng các vị đừng quá chấp trước.

Đạo Nhất định về Tư Châu dự tang lễ, nhưng có một ông tăng do Xứ Tịch sai đem đến một phong thư dặn Đạo Nhất đến Du Châu (nay là Tứ Xuyên) thọ cụ túc giới với Viên Luật Sư. Đạo Nhất bèn từ biệt Vô Tướng, đến thọ cụ túc giới với Viên Luật Sư. Sau đó theo lời khuyên của Viên Luật Sư tới tham phỏng Hoài Nhượng.

1. Một hôm, Mã Tổ đang ngồi Thiền Hoài Nhượng hỏi :

-Ông ngồi thiền để làm gì ?

-Để thành Phật.

Hoài Nhượng lấy một viên ngói mài ngay trước mặt Mã Tổ. Mã Tổ hiếu kỳ hỏi :

-Thầy mài ngói làm gì ?

-Để làm gương.

-Mài ngói sao thành gương được ?

-Mài ngói không thành gương được, vậy ông ngồi thiền lại thành Phật sao ?

-Vậy làm sao mới thành Phật ?

-Đạo lý này như bò kéo xe, nếu xe không đi thì ông đánh xe hay đánh bò ?

Mã Tổ bị hỏi không lời đáp lại, Hoài Nhượng lại hỏi :

-Ông học tọa thiền hay ông học tọa Phật ? Như ông học tọa thiền thì Thiền không phải ở ngồi hay nằm, như ông học tọa Phật thì Phật không có hình tướng nhất định. Pháp không có chỗ trú do đó chúng ta cầu pháp không nên có thủ, xả, chấp trước. Như ông học tọa Phật chẳng khác gì giết Phật. Nếu ông chấp tướng ngồi thì vĩnh viễn không thấy được Đại Đạo. Nghe lời dạy ấy Mã Tổ như người đang khát mà uống được đề hồ, bèn bái Hoài Nhượng làm thầy.

(Thiền chi hoa)

Ý của Hoài Nhượng là ngồi thiền không phải là Thiền. Ngồi thiền chỉ là một phương pháp không phải là bản thân của Thiền. Nếu chỉ ngồi thiền không thì chẳng khác gì ngón tay trỏ mặt trăng. Nếu không làm phát xuất được trí huệ Bát Nhã thì chỉ là khô tọa, không cách chi mà kiến tánh thành Phật được.

2. Mã Tổ hỏi Hoài Nhượng :

-Dụng tâm thế nào để khế hợp Vô tướng tam muội ?

-Ông học tâm địa pháp môn như gieo mạ, tôi thuyết Phật pháp như mưa rơi, chỉ cần duyên hợp thì sẽ thấy Đạo.

-Thầy nói thấy Đạo là thấy Đạo nào ? Đạo không có hình tướng, làm sao có thể thấy Đạo vô hình tướng được ?

-Cái tâm địa pháp nhãn này có thể thấy Đạo. Đạo vốn là vô tướng tam muội, cũng do từ Tâm địa pháp môn tự thấy Đạo vậy.

Hoài Nhượng còn sợ Mã Tổ chưa hiểu rõ, lại thêm :

-Nếu có thể khế hợp Đạo thì Đạo không đầu không cuối, không thành không hoại, không tụ không tán, không dài không ngắn, không tĩnh không loạn, không nhanh không chậm. Nếu hiểu lý này thì đó là Đạo.

(Tinh vân thiền thoại)

Đạo là gì ? Đạo không có thời gian : không đầu không cuối. Đạo không có không gian : không trong không ngoài. Đó là chân lý. Đạo từ cổ cho đến nay không biến, trải vạn kiếp vẫn mới toanh. Làm sao thấy Đạo ? Chỉ cần rõ tự mình thường trú chân tâm là thấy Đạo.

3. Một lần Mã Tổ theo Hoài Nhượng ra ngoài, thấy các người sơn cước về nhà quẩy theo những bó củi trên lưng có lẫn cả những vật khác, trong đó có một mảnh gương chiếu lấp lánh. Ông xúc động nghi tình, bèn hỏi sư phụ :

-Gương chiếu người rồi, ánh sang đi đâu ?

Hoài Nhượng cười rồi hỏi ngược lại :

-Hình ảnh ông lúc còn thơ bây giờ ở đâu ?

Mã Tổ nghe rồi liền ngộ (do chiếu soi mà biết là biết giả, không do chiếu soi mà biết mới là cái biết thật).

-Đạo Nhất, giọng nói của ông có phải là người Tứ Xuyên không ?

-Con người Hán Châu.

-Tôi nghe nói ông xuống tóc với Xứ Tịnh ở Tư Châu, thọ cụ túc giới với Viên Luật Sư ở Dư Châu cơ mà ?

-Dạ, nhà con ở Thập Đô gần La Hán Tự.

-Cái gì ? Thập Đô, La Hán Tự ? Lúc chưa xuất gia ông tên gì ?

-Dạ, Mã Câu.

-Đạo Nhất ! canh ba đêm nay ông đến phòng tôi.

Canh ba đêm đó, Mã Tổ đến phòng Hoài Nhượng, Hoài Nhượng thuật lại cho ông nghe mình đã khai ngộ như thế nào khi gập Lục tổ.

Tổ Huệ Năng hỏi :

-Ông từ đâu tới ?

-Con từ Tung Sơn Lão An hòa thượng tới.

-Là vật gì ? làm sao tới ?

Hoài Nhượng không trả lời được, ở lại tu học. Tám năm sau mới khai ngộ, thưa với Lục tổ :

-Con biết rồi.

-Thế nào ?

-Nói giống một vật là không trúng.

(Công án 100)

Câu hỏi của Lục tổ có nghĩa là : khi cha mẹ chưa sanh ra thì ông là vật gì ? nếu theo thường tình thì sẽ đáp :

-Con tên Hoài Nhượng, từ Tung Sơn Lão An tới là được rồi, nhưng ông biết đây không phải là những gì Lục tổ muốn hỏi. Tám năm sau, cuối cùng đã khai ngộ ông mới đưa ra câu trả lời :

-Nói giống một vật gì là không trúng !

Ý là từ kinh nghiệm nội chứng tự do, tự tại, không, rộng, sang, t ĩnh, không một vật nhưng chứa cả vạn vật dù nói thế nào, mô tả thế nào cũng không thể hình dung ra được. Nói tự mình là cái gì hoặc không là cái gì đều sai vì mọi dạng đều không phải, mọi dạng đều phải. Nói mình từ đâu, làm sao tới hoặc không từ đâu, không làm sao tới đều sai vì bản tánh mình và chư Phật không những tương thông mà còn tương đồng. Làm gì còn vấn đề đến đi gì nữa ? Người khai ngộ là người mà vị Phật ngủ yên trong tâm thức dậy, phát hiện rằng mình vốn không lìa mình thì làm gì có đến đi. Chưa ngộ và khi đã ngộ, sự thể nghiệm hoàn toàn bất đồng, còn gọi tên là gì ư ? Vị Phật ấy không có hình tượng, không thể miêu tả, không thể hình dung chỉ có thể thể hội. Nếu có thể thể hội trong tâm không có phiền não, không có đến đi, được mất, không có chấp trước thì đó là ngộ cảnh chân chính.

-Nếu có tu có chứng thì không đạt được vô. Nhiễm trược tức là tu chứng, khi đạt được cái ấy, được mà không được thì đó chính là bản lai diện mục. Nếu chúng ta ngoài bị ngoại cảnh mê, trong bị không mê, ngay lúc đó lìa được biên kiến khiến trong ngoài đều không bị hạn chế thì đó là khai ngộ vậy.

(Phật dữ thiền)

Mã Tổ thưa :

-Sư Phụ, đoạn công án này chúng đệ tử đều thuộc nằm long sao tam canh bán dạ sư phụ còn kể cho con nghe ?

-Phải đó, chỉ là có một chi tiết chỉ có Lục tổ và tôi biết, nay tôi nói cho ông nghe.

Hoài Nhượng bèn thuật cho Mã Tổ nghe lời truyền ký của tổ Bát Nhã Đa La và chuyện Lục tổ một hôm đang ngồi thiền thấy một con tuấn mã phi thẳng đến trước mặt, cất hai chân lên trời hí vang. Tổ giật mình ra khỏi đại định. Lục tổ mới đầu cho là ma cảnh, nhưng tổ bỗng nghe có tiếng nói bên tai : Huệ Năng đây không phải là ma cảnh, mà là điềm báo trước sau này dưới trướng học trò ông là Hoài Nhượng sẽ xuất hiện một nhân tài sẽ dương danh Thiền pháp khắp thiên hạ. Tất cả đều phù hợp vào ông, ông không nên ở lại đây, hãy đi hoằng dương Phật pháp.

Mã Tổ vâng lời, ông từ Quảng Đông vượt qua Đại Dữu lãnh tới Giang Tây. Mới đầu tới Kiền Châu rồi tới Kiến Châu (Phúc Kiến).

Một ngày nọ ông tới Kiến Dương thấy phong cảnh rất u nhã, dưới chân núi có một chùa nhỏ. Ông vào thăm và được trụ trì tiếp đón nồng hậu, tự pha trà tiếp khách.

-Lão nạp đối với Thiền phong của Tào Khê hết long kính ngưỡng, cũng nghe tiếng Hoài Nhượng thiền sư cao thâm mạc trắc, chỉ là lão nạp tuổi già sức yếu không thể có cơ hội đến thỉnh ích. Đại đức là Tào Khê pháp nhũ xin chỉ dạy một vài.

-Không dám, tôi đến đây xin quải đơn, nghe lời phương trượng chúng ta có thể luận bàn về Thiền học.

Ở được vài hôm, Mã Tổ thấy cảnh chùa vắng vẻ, đại chúng lèo tèo vài vị tăng, tín đồ cũng ít lui tới. Ông hỏi trụ trì tại sao ? Vị trụ trì nói :

-Đại đức không biết đó thôi, có nhiều vị tăng cũng muốn ở lại tu tập nhưng nơi đây mùa hạ thì muỗi mòng, mùa thu thì chim choc ồn ào, mùa đông thì bị chuột khấy nhiễu . . . nên các vị đó ở được vài ngày rồi đành ra đi.

Mã Tổ nhớ lúc còn ở cố hương, để trừ muỗi ông và người nhà đã dung một loại cỏ có mùi hắc khiến muỗi phải tránh xa. Ông bèn vào rừng kiếm và mang về để ở thiền phòng. Quả nhiên không còn muỗi ruồi lai vãng nữa. Trụ trì thấy vậy rất mừng và khen ngợi. Ông lại đề nghị trụ trì rời chùa lên núi, vừa mát mẻ lại tránh khỏi bị ẩm thấp muỗi mòng. Trụ trì không muốn thay đổi chỗ ở đã quá quen nhưng tán thành ý kiến của ông và hứa sẽ kêu gọi các thí chủ và viên chức trong vùng dựng chùa trên núi cho ông. Vài tháng sau một tăng xá được thành lập và ông bắt đầu đăng đàn giảng pháp. Được ít lâu ông

lại tiếp được thư của các quan chức ở Vũ Châu mời đến giảng pháp, ông liền đến trú ở Tây Lý Sơn.

Đăng đàn giảng pháp ông nói :

-Các vị thiện tri thức ? có người hỏi tôi thế nào là tịch diệt ? Tôi trả lời : chẳng sanh, chẳng diệt là đại tịch diệt. Pháp than vô cùng, vô tận không có tăng giảm biến hóa, có thể lớn, có thể nhỏ, có thể vuông có thể tròn; ứng vật hiện hình như trăng trong nước, mê vọng là chỉ đánh mất bản tâm, giác ngộ là chỉ ngộ ra bản tánh. Một khi đã ngộ thì vĩnh viễn giác tỉnh không còn bị chìm đắm trong ao mê hoặc. Các vị thiện tri thức, Phật tánh vận dụng linh diệu trong sanh hoạt hoàn toàn ở trong tâm ta, tỷ như trăng chỉ chỉ có một, nhưng ảnh thì có ngàn vạn. Sâm la vạn tượng có ngàn vạn, nhưng hư không thì chỉ có một. Xin mọi người nhớ kỹ tất cả mọi pháp đều là Phật pháp, căn bản của nó là giải thoát, đi đứng nằm ngồi, ứng cơ tiếp vật đều là Phật pháp tự nhiên nhi nhiên thể hiện.

Những lời giảng mạch lạc của Mã Tổ đi thẳng vào long người khiến đạo trường ngày càng hưng thịnh. Lúc đó có một cậu bé 13 tuổi nghe danh Mã Tổ, bèn tự mình từ Kiền Châu tới Tây Lý Sơn xin theo học. Mã Tổ thấy cậu dõng cảm, thong minh bèn thu nhận làm đồ đệ đặt tên là Trí Tạng.

Lại nói Hoài Nhượng một hôm đang thuyết pháp chợt nhớ đến Mã Tổ bèn thuận miệng hỏi :

-Các ông có nghe nói Đạo Nhất đã thuyết pháp chưa ?

-Nghe nói sư huynh đã giảng pháp ở Kiến Dương.

-Sư huynh đã dời đến Tây Lý Sơn rồi !

-Đã giảng pháp rồi sao không báo tin gì cho ta cả.

Hoài Nhượng bèn phái một ông tăng đi hỏi thăm dặn rằng :

-Ông đến nơi hỏi thăm hắn đang làm gì, trả lời thế nào về cho ta hay.

Ông tăng bèn đi gập Mã Tổ và nói :

-Sư huynh, sư phụ sai tối đến hỏi ông đang làm gì ?

-Sau loạn Hồ ba mươi năm rồi tôi vẫn không thiếu tương, muối.

Ông tăng trở về thuật lại lời này cho Hoài Nhượng nghe.

-Nói hay lắm !

Hoài Nhượng biết đồ đệ trong ngoài đều rõ, tự tánh viên mãn, con ngựa con đã trưởng thành khiến ông vui và an long. Không lâu ông qua đời thọ 68 tuổi.

Một hôm Mã Tổ đang giảng pháp, bỗng nhiên mặt lộ sắc buồn. Thị giả hỏi tại sao, ông nói :

-Sư phụ Hoài Nhượng đã nhập diệt, các ông mau cử vài người lấy danh nghĩa của ta đi lập tháp cho người.

Đại chúng bán tín bán nghi, chấp sự tăng phái vài người đi, trên đường họ còn nghĩ là chuyện không thể nào xẩy ra, cho đến 5 hôm

sau đến nơi mới rõ là sự thực. Cùng lúc đó sứ giả từ Nam Nhạc cũng đưa tin Hoài Nhượng đã mất báo cho Mã Tổ.

4. Một hôm Mã Tổ ở ngoài am, có một người hỏi :

-Thầy có thấy một con nai chạy qua đây không ?

-Ông là ai ?

-Con là thợ săn.

-Ông biết bắn tên không ?

-Đương nhiên là biết.

-Một tên bắn được mấy con ?

-Một tên một con.

-Như vậy là ông không biết bắn tên

-Vậy sao, thầy biết bắn tên không ?

-Biết.

-Một tên bắn được mấy con ?

-Một tên bắn được cả bầy.

-Chúng đều có sanh mạng, sao nhẫn tâm bắn cả bầy ?

-Ông đã biết vậy sao không tự bắn mình ?

-Con cũng định tự bắn nhưng không biết chỗ hạ thủ.

-Vô số kiếp phiền não của ông nay đã tuyệt.

Người thợ săn vất cung, bẻ tên theo Mã Tổ xuất gia, đó là Thiền sư Tuệ Tạng.

(Hương thủy hải)

Thiền sư không phải là người không biết phải trái, mà là người ở trong phải trái có khả năng bao dung phải trái.

5. Một hôm Tuệ Tạng đang làm việc trong bếp, gập lúc Mã Tổ đến kiểm soát. Mã Tổ hỏi :

-Ông đang làm gì đó ?

-Thưa con đang chăn trâu.

-Ông chăn làm sao ?

-Khi trâu vào bụi ăn cỏ, con lấy thừng xỏ mũi dắt trâu về.

-Ông thật biết trăn trâu.

(Công án 100)

Thiền tong thường dung trâu để chỉ nội tâm, chăn trâu là tu tâm, làm sao gìn giữ tâm, huấn luyện tâm khiến từ những phiền não tạp loạn đạt được cảnh giới thanh tịnh vô tâm. Lúc đó Tuệ Tạng đang đun bếp, nếu thấy tâm không chú ý vào việc đun bếp liền lôi tâm lại, không ngừng huấn luyện chính mình đạt đến trình độ niệm niệm vô nhị dụng (chỉ chăm chú vào một việc) là công phu của Thiền. Có thể nói Tuệ Tạng đã có thể nghiệm ngộ cảnh do đó biết rõ trạng huống tâm niệm, thấy tạp niệm xuất hiện liền phát giác ra ngay, trở về chánh niệm. Nếu thấy mình sai liền đỗi, nếu thấy người sai cũng nên

bao dung tha thứ đừng làm thương tổn người ta khiến ích lợi cho người ta khiến ích lợi cho người , mà mình cũng trở nên chín chắn hơn.

*Chăn trâu kỳ thực là mài rũa bản tánh.

(Thiền vị)

*Trâu chỉ tự tánh.

(Thiền cơ)

Năm 768 Mã Tổ do lời mời của Bùi Tư tới Kiền Châu ngụ ở Cung Công Sơn, Bùi Tư người Hà Nam là thích sử, con của Lễ Bộ thượng thư Bùi Khoan. Ông thường đến đàm Thiền luận Đạo với Mã Tổ. Ông thường đặt những câu hỏi như : Thế nào là Phật ? Thế nào là ý Tổ sư ? Làm sao tu hành . . .Hai người mải nói chuyện có khi quên cả dung bữa.

Mã Tổ bảo ông :

-Ngưiời đời chỉ thấy trăng trong nước, lời Phật trong kinh, sự thật Phật không ở đâu xa mà ở ngay trong tâm ta; ngộ thì chúng sanh là Phật, mê thì Phật là chúng sanh.

-Đa tạ thầy chỉ điểm, con tiếc là không gập thầy sớn hơn.

-Ông đừng nói vậy, đã phát hiện kho báu nhà mình có đầy đủ cả thì việc gì phải nhờ cậy ai nữa !

6. Một hôm Mã Tổ đi tản bộ trong viện thấy Phật đường hãy còn hương khói, ông nghĩ giờ đã muộn rồi, mọi người đã đi tĩnh tu rồi

sao còn có người lễ Phật ? Ông liền vào điện thì thấy một người tướng mạo mạnh mẽ đang lễ Phật, đó là ông tăng mới tới tên là Vô Nghiệp. Mã Tổ nói :

-Bên ngoài đường đường mà bên trong chẳng có Phật !

Vô Nghiệp cung kính quỳ xuống thưa :

-Con từng nghiên cứu tam thừa có chỗ sở đắc, nhưng đối với chủ trương của Thiền tông tức tâm tức Phật thì vẫn chưa hiểu.

-Tôi bảo cho ông biết, chính cái tâm chưa hiểu được đó là Phật chứ không có cái gì khác.

Vô Nghiệp vẫn chưa hiểu, bèn hỏi tiếp :
-Xin hỏi ý tổ sư từ Tây sang là gì ?
Mã Tổ trợn mắt :
-Vị đại đức này thực mê mờ quá ! Đi đi lúc khác lại.
Chính lúc Vô Nghiệp định đi, Mã Tổ ở đằng sau quát lớn :
-Đại đức !
Vô Nghiệp quay đầu lại, Mã Tổ hỏi :
-Là cái gì ?
Nghe lời nói đó Vô Nghiệp bèn lạy tạ.
(Thiền chi hoa)

Tâm, Phật, chúng sanh không sai khác, Vô Nghiệp không hiểu rõ ý đó. Vì tự tánh không thể nói, chỉ có thể dung cơ duyên xảo diệu mà

tiếp dẫn. Mã Tổ kêu lớn "Đại đức". Vô Nghiệp ngoảnh đầu lại. Ai nghe tiếng kêu ? Ai ngoảnh đầu lại ? Đó chẳng phải hòan toàn do tự tánh của Vô Nghiệp đó sao ? Chỉ một tiếng quát của Mã Tổ đã làm cho Vô Nghiệp ngộ được cái diệu dụng của tâm vậy.

*Thiền của Mã Tổ đặt căn bản ở đốn ngộ. Ông chủ trương người lãnh ngộ câu "tâm là Phật" là Phật, người không ngộ câu này là chúng sanh. Do đó ngoài chúng sanh không có Phật.

(Trung Quốc Thiền Tông)

Bốn chữ "Tức tâm, tức Phật" này bao hàm 3 ý sau :

1/Tâm của con người vốn thanh tịnh là tự tánh so với Phật tánh không khác. Điều này giống như tổ Huệ Năng dạy : "Bản tánh là Phật, lìa tánh thì không có Phật nào khác".

2/Khi đã ngộ tâm là Phật, quay về với bản tánh thì vọng niệm đều diệt, sanh khởi quán chiếu Bát Nhã bước vào cảnh giới giải thoát.

3/Người giác ngộ hiểu rõ quy luật vận hành của vũ trụ lúc đó tâm cảnh chính là Phật cảnh.

Vô Nghiệp nghe Mã Tổ giảng như người khát nước mà được uống đề hồ, hoát nhiên khai ngộ, nước mắt đầm đìa thưa :

-Con vốn tưởng tu chứng Phật quả rất xa vời, phải trường kỳ lao khổ tu hành nay mới biết pháp than thật tướng vốn tự đầy đủ, vạn pháp đều từ tâm sanh.

Mã Tổ vui mừng bảo :

-Đúng thế ! Đúng thế ! Pháp tánh bất sanh bất diệt, bản lai không tịch. Trong kinh cũng có nói : "Chư pháp tong bản lai, thường tự tịch diệt tướng", còn nói "Chư pháp không vi tọa" đều là thuyết minh chư Phật không có trú xứ, hiểu được điều này thì sẽ trú ở nhà không tịch, ngồi ở không vô pháp tọa, tuỳ ý giơ chân múa tay mà không rời Đạo trường.

Vô Nghiệp được Mã Tổ ấn khả rồi liền đến Tào Khê viếng tháp Lục tổ, rồi đi Lư Sơn, Thiên Thai, Thanh Lương . . . Về sau trú ở Khai Nguyên Tự (Phần Châu). Vô Nghiệp đã truyền bá Thiền pháp của Mã Tổ đến tận Hà Tây.

7. Có một ông tăng hỏi Mã Tổ :

-Hòa thượng vì sao nói tâm của phàm nhân tức là Phật ?

-Để dỗ con nít khỏi khóc.

-Khi trẻ không khóc nữa thì sao ?

-Thì đỡ phải phí công lo chuyện tâm và Phật làm gì !

-ngoài 2 phương pháp trên, lão hòa thượng còn chỉ dạy ?

-Tôi sẽ bảo : đừng để cho một sự việc gì bó buộc được mình.

-Khi gặp được một người như thế, hòa thượng bảo họ điều gì ?

-Bảo họ trực tiếp thể nghiệm Đại Đạo.

(Tứ lý thiền)

Hoàng Bá nói câu Tức tâm, tức Phật của Mã Tổ giống như trên đầu lại lắp them một đầu. Câu phi tâm, phi Phật giống như không có giây thừng mà cũng tự trói mình. Không phải là tâm, không phải là vật giống như rửa đất trong nước bùn.

Một người đi ngoài nắng kinh ngạc chỉ bong mình hỏi mọi người :

-Đây là bóng của ai ?

Khi mây che mặt trời ông lại khóc :

-Sao tôi lại không có bong ?

*Câu đáp : Để dỗ con nít khỏi khóc là đối với những nười chấp không, dung khẳng định mà khai thị.

Khi đứa trẻ ngưng khóc bảo nó phi tâm, phi Phật là đối với những người chấp có, dung phủ định mà khai thị.

Câu đáp thứ ba là đối với những ngươi chấp không và có, phải loại trừ mọi chấp trước.

Câu thứ tư là đối với những người đã ngộ rằng không và có không phải là hai, giúp cho người này giữ được ngộ cảnh.

Nói một cách tổng quát, Phật pháp không có một pháp nhất định, mục đích là làm sao cho chúng sanh khai thị, ngộ được Phật tri kiến.

(Thiền chi hoa)

8. Những người đến Cung Công Sơn phần lớn là để cầu pháp, nhưng cũng có những người đến để xem hư thực thế nào. Có một vị giảng sư đến hỏi Mã Tổ :

-Không biết Thiền tong chuyên tu pháp nào ?

Mã Tổ không trực tiếp trả lời mà hỏi ngược lại :

-Ông chuyên tu pháp nào ?

-Nói ra thì hổ thẹn, bần tăng đã giảng ngoài hai chục bộ kinh.

-Thật là sư tử hống !

-Không dám.

Mã Tổ bèn giả tiếng sư tử gầm lên. Hòa thượng nói :
-Đó cũng là pháp.
-Pháp gì vậy ?
-Sư tử ra khỏi hang.
Mã Tổ im lặng. Hòa thượng nói :
-Đó cũng là pháp.
-Pháp gì vậy ?
-Sư tử ở trong hang.
-Không ra, không vào là pháp gì ?
Hoà thượng không lời đáp được.
(Thiền chi hoa)
Tiếng gầm là một pháp sanh diệt. Khi gầm lên chỉ sư tữ ra khỏi hang, khi im lặng chỉ sư tử vào hang. Cả hai (ra, vào) đều là loại động tướng. Nếu tâm khởi cầu tĩnh thì tức là đã động rồi. Câu Mã Tổ nói : Không ra, không vào là pháp gì ? Chỉ cảnh giới vượt ngoài cả động lẫn tĩnh. Nhưng vì hòa thượng chỉ hiểu có một mặt động không hiểu rằng chân tâm thì động tĩnh là một, cho nên không đáp được. Động tĩnh là một, không thể dung lý mà ngộ được, lại càng không thể dung lời mà giảng ra được, chỉ có thực chứng.

Giảng sư không trả lời được, buồn bã cúi đầu lìa khỏi Đạo tràng. Mã Tổ nhìn theo than thở :

-Thật đáng thương, chỉ biết tụng kinh không ngộ Phật lý. Chỉ cần lãnh ngộ chân tâm thì mặc áo, ăn cơm, đi, đứng, nằm, ngồi đều là chuyên trì Phật pháp vậy.

9. Một hôm thị giả vào thưa :

-Sư phụ, ngoài cửa có một ông tăng du phương đợi đã lâu, ông ta nói ông ta từ Hành Nhạc Thạch Đầu tới, sư phụ có tiếp kiến không ?

-Tiếp, đương nhiên là tiếp.

Thị giả dẫn ông tăng vào, ông cúi đầu cung kính hành lễ :

-Tham kiến Mã đại sư, hôm nay được diện kiến nghe lời giáo huấn bần tăng rất hân hạnh.

-Ông từ đâu đến, tới đây có chuyện gì ?

-Con từ Hành Nhạc Thạch Đầu tới, đến xin thỉnh giáo Thiền pháp.

-Thiền pháp của hòa thượng Thạch Đầu rất sanh động mạch lạc chả lẽ chưa làm ông khai ngộ sao ?

-Hoà thượng Thạch Đầu nói con và Mã đại sư có nhân duyên thầy trò, nên bảo con tới đây.

Mã Tổ thấy hứng thú, bèn cười hỏi :

-Chuyện này là thế nào ?

-Con đến tham Thạch Đầu và thưa :"Đệ tử đối với tam thừa, mười hai phần giáo có chỗ hiểu được, nhưng đối với Nam phương 'chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật' thì vẫn chưa hiểu, mong sư phụ lượng cả từ bi giảng giải cho.

Thạch Đầu trả lời :

-Khẳng định không trúng, phủ định cũng không trúng, khẳng định và ohủ định đều chẳng trúng, lúc đó ông phải làm sao ?

Con hoang mang chẳng biết đáp làm sao, qua một lúc Thạch Đầu lại nói :

-Nhân duyên của ông chẳng phải tại đây, mau đi kiếm Mã Tổ đại sư.

Mã Tổ nghe rồi liền bảo :

-Tôi có lúc kêu hắn nhướng mày chớp mắt, có lúc không kêu hắn nhướng mày chớp mắt, có lúc không. Ông giải thích thế nào ?

Ông tăng nghe tới đó liền giác ngộ hướng về Mã Tổ mà lạy tạ. Mã Tổ hỏi :

-Ông hiểu thế nào mà lạy tôi ?

-Con ở Thạch Đầu như muỗi đốt trâu sắt vậy !

(Thiền chi hoa)

Ông tăng này là thiền sư Dược Sơn. Lời của Thạch Đầu và Mã Tổ tuy khác nhau nhưng cùng một ý nghĩa. Câu của Mã Tổ : Tôi có lúc kêu hắn nhướng mày chớp mắt là khẳng định không trúng của Thạch Đầu; có lúc không kêu hắn nhướng mày chớp mắt là phủ định không trúng của Thạch Đầu; có lúc hắn tự nhướng mày chớp mắt, có lúc không là khẳng định và phủ định đều không trúng của Thạch Đầu. Hắn chính là tự tánh. Muỗi đốt trâu sắt là chỉ Dược Sơn ở nơi Thạch Đầu không liễu giải được, mà chỉ đốn ngộ được là nhờ nghe Mã Tổ.

*Muỗi đốt trâu sắt là một dụng ngữ của Thiền tông có 2 ý :

1/Ngộ cảnh không thể dung lời để diễn tả.

2/Khi chưa ngộ nên biết mục đích là con trâu sắt, mình là một con muỗi, phải cố gắng liên tục để cắm vòi vào chích. Dùng suy luận thì không thể vào, nhưng đứng về phương diện công phu thì chỉ có như thế mới đạt được mục đích. Khi dụng công không dung sức, không mong mỏi, không chờ đợi, cuối cùng quên cả mình đang dụng công, quên cả mục đích, bỏ tất cả trong ngoài, chủ khách xuống. Đó là giác ngộ.

(Công án 100)

*Đây là áp dụng vô thanh thắng hữu thanh. Một vị thầy giỏi không phải là người giảng hay khiến cho học viên hiểu rõ vấn đề mà là làm sao khiến học viên tự mình suy nghĩ tìm ra con đường.

(Tứ lý thiền)

10. Dược Sơn người Giáng Châu (Sơn Tây), năm 17 tuổi xuất gia với thiền sư Tuệ Chiếu, sau thọ cụ túc giới với luật sư Hành Nhạc Hi Tháo, giữ giới tinh thâm, thông hiểu kinh luận. Sauk hi tham vấn Thạch Đầu, được Thạch Đầu giới thiệu đến Mã Tổ học. Ba năm sau, một hôm Mã Tổ hỏi :

-Gần đây ông có tâm đắc gì ?

-Da đã rụng rối chỉ còn chân thật.

-Kiến giải của ông phù hợp với tâm, ông có thể lên núi nào trú cũng được.

-Con là người chi mà dám lên núi làm phương trượng?

-Không vĩnh viễn đi không trú, không vĩnh viễn trú không đi. Cầu ích ở chỗ không ích, làm ở chỗ không làm, phải như từ hang phổ độ. Không nên vĩnh viễn trú ở nơi đây.

(Thiền chi hoa)

Mã Tổ dùng sự đi và trú của Dược Sơn để ám chỉ động tĩnh của tự tánh. Đi mà không trú chỉ sự chạy theo trần cảnh không thấy được tự tánh. Trú mà không đi chỉ sự đắm vào không tịch không thể y thể khởi dụng. Hai loại hành vi đó đều không phải là hành vi của thiền

giả. Do đó Mã Tổ khuyên Dược Sơn tại chỗ không ích cầu ích, tại chỗ không làm thì làm, hy vọng Dược Sơn trong tịnh tìm được Dụng động, trong động tìm được Thể tĩnh. Tức là

có thể bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến mà đi cứu độ chúng sanh.

Nghe lời giảng tha thiết của Mã Tổ, ông từ biệt ra đi chu du khắp thiên hạ qua các nơi La Phù Sơn, Thanh Sơn . . . cuối cùng trú ở Dược Sơn và đăng đàn giảng pháp.

Một hôm, Mã Tổ sai một chú tiểu đến gọi Trí Tạng :

-Sư huynh ! Sư phụ bảo ông tối nay canh ba đến gập người.

-Sư đệ có biết sư phụ bảo ta làm gì không ?

Chú tiểu lắc đầu.

-Thật quái lạ ! Nếu có chuyện gì gấp sao không gọi tôi đến ngay, còn không thì chờ tới sáng mai, sao lại gọi đến lúc canh ba hả sư đệ ?

-Sư huynh, đệ không biết.

Tối đó, Trí Tạng tới gập Mã Tổ. Mã Tổ nhìn Trí Tạng đã 7, 8 năm qua từ khi Trí Tạng còn là một thiếu niên mới 13 tuổi tìm đến Tây Lý Sơn gập ông, nay đã trở thành một vị tăng khôi ngô tuấn tú, ông cười bảo :

-Có chuyện cần nhờ đến ông đây ! Lần này nhờ ở lại chứ không sai đi đâu.

Trí Tạng mở to mắt :

-Không giống các lần khác, sư phụ sai con đi đưa thư sao ?

-Đúng vậy ! Lần này ông cứ ở lại đây.

-Dạ ! Con chỉ muốn sớm tối được thỉnh ích.

-Không dứt sữa mẹ thì làm sao lớn được ? Ông đã được tôi ấn chứng, đáng lẽ phải ly khai, tự lập môn hộ mới phải chứ ! Chỉ vì tôi chưa tìm được người thích hợp để liệu lý mọi việc nên mới giữ ông ở lại bên cạnh. Trong long sư phụ cũng không yên. Gần đây quán sát sứ Giang Tây là Lộ Tự Cung mời tôi đến Hồng Châu để hoằng dương Phật pháp. Sauk hi tôi dời đây, nơi đây sẽ do ông trụ trì. Vì vậy tối nay tôi vời ông đến để trao cà sa, mong ông đảm nhận trọng trách.

Trí Tạng quỳ xuống, xin từ chối nhưng Mã Tổ bảo :

-Trí Tạng ! Ông hãy mạnh dạn tiếp nhận, đây là một vinh dự, cũng là một sự hy sinh lớn, mau tiếp nhận cà sa.

Trí Tạng chỉ còn cách vâng lời. Ông thưa :

-Vậy con tạm thời xin giữ cà sa, khi nào tu hành tinh tấn, chin chắn, con sẽ khai đường thuyết pháp, truyền bá tâm pháp của sư phụ.

11. Tới Hồng Châu, Lộ Tự Cung mời Mã Tổ đến trụ trì Khai Nguyên Tự, nghỉ ngơi vài hôm, ông đăng đàn giảng pháp .

Có người đứng dậy hỏi :

-Xin hỏi Mã đại sư, Thế nào là Đạo, làm sao tu Đạo ?

-Thực ra Đạo không cần tu, chỉ cần không bị ô nhiễm là được. Thế nào là ô nhiễm ? Đó là có phân biệt sanh tử, phải trái, được mất. Nếu như phải nói thế nào là Đạo thì tôi bảo các ông : Tâm bình thường là Đạo. Nhưng thế nào là tâm bình thường ? Đó là tâm không tạo tác, không nắm bỏ, không phàm thánh. Kinh Phật nói : Không là phàm phu hạnh, không là thánh hiền hạnh, thì đó chính là Bồ tát hạnh. Do đó, các ông tùy ý đi đứng, nằm ngồi ứng cơ tiếp vật đều là sự thể hiện của Đạo, tâm bình thường chính là tâm hang ngày sinh hoạt. Cái tâm hiện thức đó nếu vận dụng được không thủ xả, không chấp trước thì đó là thể hiện Đại Đạo.

-Sư phụ ! Các nghi hoặt nhiều năm của con nay đã trừ được rồi.

Lúc đó Hồng Châu liêm sứ đứng lên hỏi :

-Nên hay không nên uống rượu, ăn thịt ?

-Uống rượu, ăn thịt là duyên phận, không uống rượu ăn thịt là phúc khí.

(Thiền chi hoa)

Theo thuyết luân hồi của nhà Phật, gieo nhân thì gặt quả. “Muốn biết đời trước tạo nhân gì, hãy xem đời nay chịu quả nào. Muốn biết đời sau chịu quả gì, hãy xem đời nay tạo nhân gì ? Quả báo đối với người như bong theo hình, do đó nếu một người có phúc báo uống rượu, ăn thịt thì đó là những chủng tử từ đời trước đã chin mùi nay hiện thành. Do đó mới nói vinh hoa phú quý là duyên phận. Nhưng nếu có phúc báo mà không hưởng thụ lại giữ giới tu thiền thì đó là

phúc khí. Vì phúc báo đã hưởng hết rồi thì cũng bị đọa lạc lại, cũng như bắn một mũi tên lên trên không, khi lực tận thì tên phải rơi xuống. Bậc trời mà phúc báo hết cũng phải quay lại luân hồi huống hồ chúng ta là người phàm, do đó há chẳng nên giữ giới làm lành ư ? Đây là Mã Tổ khuyên chúng ta nên tiếc phúc, bồi phúc, tu phúc vậy.

12. Đệ tử của Mã Tổ rất nhiều, trong đó có 3 người kiệt xuất là Hoài Hải, Trí Tạng và Phổ Nguyện, cả 3 người đều là đệ tử nhập thất của Mã Tổ.

Hoài hải tục tánh Vương, người Thái Nguyên (Sơn Tây). Viễn tổ vì chạy loạn nên di cư đến Phúc Châu (Phúc Kiến). Từ nhỏ ông đã quy y Phật môn, xuống tóc nơi Tây Sơn Huệ Chiếu, về sau thụ cụ túc giới ở Hành Sơn. Sau đó tự mình vân du khắp thiên hạ, rồi trú ở Phù Tra Tự vài năm nghiên cứu kinh điển, nghe tiếng Mã Tổ đang giảng Thiền pháp ở Cung Công Sơn bèn đến tham học.

Một hôm Mã Tổ cùng Hoài Hải đi chơi núi, thấy một bầy vịt trời bay qua, Mã Tổ hỏi :

-Là con gì ?

-Vịt trời.

-Bay đi đâu ?

-Bay đi rồi.

Mã Tổ đột nhiên bóp mũi Hoài Hải, Hoài Hải bị đau kêu lớn :

-Ái !

-Ông nói nó đã bay đi rồi, nhưng tới giờ tất cả chả ở đây là gì ?

Hoài Hải nghe câu nói đó, toàn thân xuất mồ hôi lạnh, khai ngộ ngay chính lúc đó .

(Thiền chi hoa)

Đối với Thiền gia thí mắt nhìn, tai nghe toàn là do tự kỷ. Vịt trời đang bay hay đã bay đi rồi đều là do mình. Mã Tổ nói con gì trực tiếp trỏ pháp không ẩn mật mà hiển lộ ngay trước mắt. Câu đáp của Hoài Hải là con vịt trời làm mất đi chân sanh mạng của pháp. Nếu do tự thể của pháp mà đáp con vịt trời là con vịt trời, hoặc núi tự cao, biển tự sâu thì mới đúng. Còn nếu lấy con vịt trời làm cảnh thì ta đã phân ra chủ khách, trong ngoài. Nếu hiểu được rằng vận cảnh đều do chân như thể hiện thì tâm cảnh chỉ là một. Mã Tổ muốn Hoài Hải hiểu đạo lý đó nên bóp mũi ông để ông hiểu rằng tất cả khách quan đều do chũ quan triển khai, tất cả khách thể đều do chủ thể mà thành, do đó chứng được thánh cảnh "Một là tất cả, tất cả là một". Nếu có chứng được cảnh giới này thì mới có thể tùy xứ mà phát triển tánh sang tạo của mình được.

*Đối với thiền sư mà nói không đâu không là Thiền, trong bất cứ hoàn cảnh nào, trước một cảnh vật nào thiền sư cũng có thể chỉ thị thiền tâm cho đệ tử. Tương tự như tiểu thuyết kiếm hiệp, một đại kiếm sư không cần có kiếm trong tay, chỉ với một cọng cỏ cũng có thể lấy đầu kẻ địch giữa chốn thiên binh vạn mã. Mã Tổ há lại không biết vịt trời sao ? Hoài Hải thiếu cảnh giác. Mã Tổ đã rút thiền kiếm ra rồi mà ông còn đáp là vịt trời, ngay thiền cơ cũng không biết. Nếu

là pháp chiến Hoài Hải đã bị xuyên tâm rồi. Mã Tổ cầm sát nhân kiếm chính là muốn giết đi những chấp trước của đệ tử, khiến ông khai ngộ. Nhát kiếm của Mã Tổ như hư như thật, nếu như đối phương phản ứng lại thiền cơ. Mã Tổ sẽ cười lớn, chấp nhận ông có cơ cảnh thấy chiêu chiết chiêu. Mã Tổ lại đưa ra chiêu mới.

-Bay đi đâu ?

-Bay đi rồi.

Đối với hiện tượng giới câu đáp của Hoài Hải là đúng. Nhưng câu nói của Mã Tổ hàm hai ý : một là hỏi về hiện tượng, một là hỏi về bản thể. Vịt trời tượng trưng cho Phật tánh, Phật tánh lại bay tới, bay đi ư ? Không ! Phật tánh là như như bất động, nhưng vì người thường chấp vào hiện tượng nên đánh mất bản tánh. Câu hỏi của Mã Tổ có ý là Phật tánh đi đâu ? Nếu Hoài Hải đáp :

-Con ở đây !

Thì cũng đúng được 60% nhưng còn chấp vào văn tự. Nếu Hoài Hải lợi hại hơn im lặng không nói chỉ nhìn Mã Tổ thì đạt được 70%, nếu lợi hại hơn nữa giơ tay đánh Mã Tổ một đấm thì đó là tiên hạ thủ vi cường đạt được 80% là kiến địa, là có khí phách. Đáng tiếc lúc đó Hoài Hải còn chưa khai ngộ. Mã Tổ đột nhiên biến chiêu, bóp mũi Hoài Hải. Bị đau Hoài Hải tức khắc cảm thụ sự tồn tại của chính mình. Lúc đó Mã Tổ nói :

-Ông còn nói vịt trời bay đi rồi !

Ý nói Phật tánh chính ở đây, do đó ông mới cảm thấy đau.

(Thiền thú 60)

*Nó ở đây là chỉ tâm Hoài Hải không phải là chỉ vịt trời. Hoài Hải tâm hướng ngoại, đi theo vịt trời. Mã Tổ bóp mũi khiến Hoài Hải bị đau, kêu toáng lên là tâm đã quay lại với chính mình.

(Danh thiền bách giảng)

*Con người khi nhận thức sự vật bên ngoài không biết quay lại nhận thức chính mình.

(Tứ lý thiền)

Trong một sát na, Hoài Hải bỗng như tỉnh mộng. Thật vậy, một là tất cả, tất cả là một, núi tự cao, biển tự sâu, tất cả các pháp hữu vi tự tự tại, vạn cảnh là tôi, tôi là vạn cảnh. Thiền pháp chân như không có phân biệt trong ngoài, không có thời không đối lập. Tôi và vịt trời đều là giả tướng, tạm thời tồn tại ảo ảnh, rõ rang là chả có gì cả nói gì bay tới bay đi ? Tôi và vịt trời đang là tự tánh tồn tại, vũ trụ là tôi, tôi là vũ trụ, tôi đã đả phá giới hạn của nhục thân cùng thiên địa vạn vật hợp nhất. Một khi quan niệm về thời không thay đổi, trăm ngàn chướng ngại của tâm được mở ra. Sư phụ, từ giờ trở đi, con không còn si mê phân biệt, tâm không còn bị cảnh chuyển nữa.

*Đây là một công án trứ danh, Hoài Hải là thiền sư khai sang ra tong Nông Thiền. Ông khai ngộ là nhờ công án này. Những câu đáp của Hoài Hải đều không sai, nhưng đối với Thiền thì tâm phải luôn luôn giữ ở hiện tại. Tâm của Hoài Hải đáng nhẽ phải luôn luôn giữ ở hiện tại, phải không còn lưu giữ dấu vết gì của vịt trời, nhưng tâm ông lại

theo vịt trời bay về quá khứ. Do đó Mã Tổ bóp mũi ông, ông bị đau. Cái đau đó là hiện tại, chân thật, trọng yếu, than thiết ngay trước mắt. Trong từng giây phút nếu giữ được than tâm là một, tâm khẩu là một thì đó là tu hành. Nếu không có động tác gì thì không có tôi, không có ông, không có thời gian, dĩ nhiên cũng không có không gian, cũng không có đã bay qua rồi. Từ công án này chúng ta rút ra được 3 điều :

a/hiện tại là trọng yếu nhất,

b/nếu động một cái thì đã là quá khứ rồi,

c/nếu không động thì không tồn tại.

(Công án 100)

13. Hoài Hải sau khi bị Mã Tổ bóp mũi trở về phòng, buông tiếng khóc lớn. Mọi người kinh ngạc hỏi :

-Nhớ nhà có phải không ?

Hoài Hải lắc đầu.

-Bị ai làm nhục chăng ?

Hoài Hải vẫn lắc đầu.

-Vậy vì duyên cớ gì ?

-Mũi tôi bị sư phụ bóp đau quá !

-Vì nhân duyên không khế hợp hay sao ?

-Các ông hãy đi hỏi sư phụ.

Mọi người đi hỏi Mã Tổ, Mã Tổ nói :

-Hắn tự biết mà, sao các ông không hỏi hắn ?

Mọi người quay về hỏi Hoài Hải :

-Chuyện này sư phụ bảo sư huynh tự biết mà, người dạy chúng tôi đến hỏi sư huynh.

Hoài Hải nghe rồi ha hả cười lớn, mọi người hỏi :

-Vừa mới khóc, bây giờ lại cười,vậy là sao ?

Hoài Hải đáp :

-Vừa rồi là khóc, bây giờ là cười.

Mọi người không hiểu ra sao, bàn tán rồi lui.

Hôm sau mọi người tụ tập ở pháp đường để nghe sư phụ giảng pháp. Mã Tổ vừa lên tòa giảng nói pháp, thấy Hoài Hải lìa chỗ định đi. Mã Tổ không giảng pháp nữa, lập tức xuống tòa giảng. Lúc đó Hoài Hải đang đi sát sau Mã Tổ. Mã Tổ hỏi :

-Tôi định giảng pháp, sao ông lại bỏ đi ?

-Hôm qua mũi con bị bóp đau lắm.

-Hôm qua ông để tâm ở đâu vậy ?

-Hôm nay, mũi con hết đau rồi !

-Ông đã hoàn toàn hiểu rõ chuyện hôm qua rồi !

(Phật dữ thiền)

Hoài Hải khóc là do đã liễu ngộ. Khi nghe mọi người nhắc lại câu nói của Mã Tổ lại cười vì biết sư phụ đã biết mình giác ngộ.

*Người vừa mới ngộ khóc lớn là hiện tượng bình thường. Các nghi hoặc tích lũy áp chế giờ tiêu tan như sương buổi sớm. Lại có người sau khi ngộ lại cười như điên. Phương pháp tốt nhất là sau đó ngủ một giấc, tỉnh dậy nếu thấy ngộ kiến không còn thì đó là giả ngộ, qua rồi thì thôi, không vì quá vui mà phát cuồng là tốt rồi, chỉ cần còn núi xanh thì không sợ gì thiếu củi đốt. Nếu ngộ kiến còn thì đó là chân chánh khai ngộ. Đồng môn hỏi sao vừa mới khóc bây giờ lại cười ? Hoài Hải đáp :

-Vừa rồi là khóc, bây giờ là cười !

Đó là câu hỏi vì câu hỏi, là câu trả lời tốt nhất. Nếu ông tăng cảnh tỉnh thì ngay đó có thể khai ngộ. Thiền sư không phải là không có hỷ, nộ, ai, cụ, mà là tình cảm đơn thuần,

đến thì đến, đi thì đi, do đó khóc rồi liền cười, không như người thường khóc rồi phải một thời gian sầu thảm không thể lập tức cười ngay được. Tiến them một bước nữa, đau thì khóc, vui thì cười, tất cả đều tự nhiên không bị tập tục, lễ tiết, kinh nghiệm làm ô nhiễm chỉ là bình thường tâm là đạo, đơn giản như vậy thôi.

14. Một hôm Mã Tổ hỏi Hoài Hải :

-Hải thị giả, ông từ đâu tới ?

-Dạ, con từ sau núi tới.

-Ông có gập người nào không ?

-Không gập ai.

-Tại sao lại không gập ?

-Nếu có gập con đã trình sư phụ rồi.

-Ông được tin tức này ở đâu ?

-Con thiệt tội quá !

-Tôi cũng tội quá

Đoạn đối thoại trên của hai thầy trò chẳng hợp lý luận, đầy mâu thuẫn, làm bặt tư duy lại không linh tự tại, như côn bằng dang cánh bay lên.

15. Một hôm, Hoài Hải đến tham Mã Tổ, cung kính đứng hầu một bên. Mã Tổ im lặng không nói, qua một lúc nhẩng đầu chăm chú nhìn phất tử treo trên vách. Phất tử còn gọi là phất trần, dung để quét bụi, xua ruồi đuổi muỗi. Sư phụ tại sao lại nhìn chăm chú thế nhỉ ? Hoài Hải suy nghĩ một lúc, hốt nhiên linh cơ nhất động hỏi :

-Dùng đây, lìa đây (ngay lúc dùng, ly khai dùng).

Mã Tổ hỏi :

-Về sau ông mở miệng lấy gì bảo người ?

Hoài Hải nắm lấy phất tử dựng đứng lên. Mã Tổ nói :

-Dùng đây, lìa đây.

Hoài Hải treo phất tử về chỗ cũ. Mã Tổ hết lên một tiếng lớn, Hoài Hải bị ú tai đến ba ngày.

(Thiền chi hoa)

Câu nói của Mã Tổ “Về sau ông mở miệng lấy gì bảo người ?” là chỉ thể dụng hai bên làm sao dạy người. Hoài Hải dựng phất tử lên chỉ Thể, Dụng là một. Mã Tổ dung đúng câu của Hoài Hải để đáp là để trắc nghiệm Hoài Hải. Hoài Hải treo phất tử về chỗ cũ chỉ ly dụng tức thể. Mã Tổ biết Hoài Hải có tri kiến vượt lên thể dụng, nhưng thức tâm chưa hết, chưa đạt được cảnh giới vượt ngoài Thể Dụng cho nên hét lớn một tiếng, cắt đứt đường suy nghĩ của Hoài Hải. Quả nhiên tiếng hét này là Kim cương vương bảo

kiếm đã làm Hoài Hải đại ngộ.

16. Về sau, một hôm Hoài Hải huấn thị đồ đệ :

-Thiền giáo đại pháp không phải là chuyện nhỏ, tôi lúc trước bị Mã đại sư hét một tiếng, tai bị điếc đến ba ngày.

Hoàng Bá nghe sư phụ nói rồi thè lưỡi ra.

Hoài Hải hỏi :

-Ông về sau không muốn kế thừa Thiền pháp của Mã Tổ sao ?

-Hôm nay sư phụ nêu lên công án này khiến chúng con thấy đại cơ, đại dụng của Mã Tổ, nhưng còn chưa hiểu rõ người, giả như kế thừa Thiền pháp của người sợ rằng về sau không thể tiếp dẫn được người học.

-Như vậy ! Như vậy ! Kiến giải hơn thầy mới có thể đảm đương sư truyền thọ đại pháp, chỗ này ông hơn tôi.

Hoàng Bá nghe rồi cung kính lạy tạ.

Về sau Quy Sơn hỏi Ngưỡng Sơn :

-Hoài Hải tái tham Mã Tổ, ý chỉ của 2 vị tôn túc này là sao ?

-Chuyện này tỏ rõ đại cơ, đại dụng.

-Dưới trướng Mã Tổ xuất hiện 84 vị thiện tri thức, bao nhiêu người được đại cơ, bao nhiêu người được đại dụng ?

-Hoài Hải được đại cơ, Hoàng Bá được đại dụng, còn lại là Xướng đạo sư.

(Tinh vân thiền thoại)

Đại cơ đại dụng của Thiền môn chủ yếu là chỉ thẳng bản tâm, kiến tánh thành Phật. Chúng ta trong sinh hoạt hang ngày cần tự do, tự chủ, có thể viên mãn, vui vẻ, tinh thần và vật chất hợp nhất, trong ngoài là một, theo Phật đạo mà không thành Phật, theo chúng sanh mà không nhập vào chúng sanh, chỉ nói khai ngộ, chỉ nói cơ dụng. Đó là Thiền vậy.

17. Một hôm Mã Tổ thăng đường, đại chúng tụ lại để nghe pháp. Hoài Hải cuốn chiếu. Mã Tổ bèn xuống toà giảng.

(Thiền ngoại thuyết thiền)

Đại Đạo lìa ngôn ngữ, văn tự cho nên không cần phải nói.

18. Về sau Hoài Hải trú ở Đại Hùng Sơn, Mã Tổ sai thị giả mang cho 3 vò tương. Hoài Hải nhận 3 vò tương rồi sai đánh chuông tập chúng, giơ gậy lên bảo :

-Đây là 3 vò tương của Mã Tổ cho, nếu có ai trong các ông nói được thì 3 vò tương không bị đập, ngược lại thì sẽ bị đập.

Đại chúng không ai đáp được, Hoài Hải dung gậy đập vỡ cả 3 vò tương.

Khi thị giả trở về, Mã Tổ hỏi :

-Ông đã đem 3 vò tương tới chưa ?

-Đem tới rồi !

-Hoài Hải nhận tương rồi nói gì ?

-Hoài Hải nhận tương rồi tập họp đại chúng, vì đại chúng không ai nói được, liền dung gậy đập vỡ hết.

Mã Tổ nghe rồi cười ha hả, rất cao hứng khen rằng :

-Thằng nhỏ này không sai !

Sau đó Mã Tổ sai truyền lời đến Hoài Hải bảo ông viết thư cho biết tình huống tu hành lúc ấy thế nào ? Hoài Hải hồi đáp :

-Lão sư, cám ơn thầy quan tâm. Từ khi đập vỡ vò tương, 30 năm đồ đệ chưa hề thiếu tương ăn.

Mã Tổ rất hài long, lại viết cho ông :

-Nếu đã không thiếu thì hãy mang cho người.

Về sau Hoài Hải sang lập Bá Trượng thanh quy.

(Tinh vân thiền thoại)

Các vị thiền sư qua lại cũng có lúc theo nhân tình thế thái, nhưng đều hàm ý. Tương là đồ chấm không thể thiếu của người tu. Mã Tổ cho tương ngụ ý không thể ly khai sinh hoạt hang ngày, tu luyện mù quáng. Hoài Hải đập vỡo vò tương ngụ ý Thiền Đạo cái gì cũng có không cần thiền sư phải bận tâm.

19. Phạn đầu từ trên núi gọi vọng xuống :

-Tới giờ ăn rồi !

Mọi người đang gieo lúa, bụng đều đói cả nhưng lúc đó sư phụ Mã Tổ bảo :

-Gieo nốt bao thóc này thì ngừng !

Nên ai nấy vẫn làm việc. Có một ông tăng đứng dậy theo phạn đầu đi ăn cơm vừa đi, vừa nói :

-Đói thì ăn, mệt thì ngủ, còn chờ gì nữa !

Đại chúng quan sát Mã Tổ xem sư phụ phản ứng ra sao, chỉ thấy Mã Tổ giơ tay gạt mồ hôi, mỉm cười.

Làm xong việc, mọi người về ăn cơm, ông tăng nọ đã ăn xong, đang giúp phạn đầu sới cơm cho mọi người.

Mã Tổ ngồi ăn, thùng cơm cho ông không biết ở trong là cơm hay cháo, bèn hỏi :

-Trong thùng là gì ?

Ông tăng nọ đáp :

-Ông lão này, ăn thì cứ việc ăn, còn nói làm gì ? Trong thùng là cơm hay cháo, rau, đậu phụ đều là đồ ăn phân biệt làm chi ? Trọng điểm của người tu là lìa phân biệt. Khi đối diện với mọi hiện tượng, mọi hoàn cảnh dung bản tâm quán chiếu không phân biệt danh tướng, lâu dần quán tính ngã chấp sẽ giảm dần cho đến hết.

Ông tăng đó là ai ? Đó chính là Phổ Nguyện đến từ Tung Sơn Hội Thiện Tự. Khi đến tham học Mã Tổ khi nghe giảng pháp tâm lãnh thần hội hoa chân múa tay, rất được Mã Tổ coi trọng. Khi Mã Tổ nhập diệt, ông đến trú ở Trì Châu núi Nam Tuyền nên được gọi là Nam Tuyền Phổ Nguyện.

20. Một tối Mã Tổ cùng ba đồ đệ ưu tú là Trí Tạng, Hoài Hải, Nam Tuyền thưởng trăng. Mã Tổ hỏi :

-Chính lúc này nên làm gì ?

Trí Tạng đáp :

-Chính là lúc cúng dường.

Hoài Hải đáp :

-Chính là lúc tu hành.

Chỉ có Nam Tuyền phất tay áo mà đi.

Mã Tổ nói :

-Kinh vào Tạng, Thiền về Hải, chỉ có Nam Tuyền vượt ra ngoài vật.

(Nhất nhật nhất thiền ngữ)

Từ xưa đến nay hiếm người có thể vượt ra ngoài vật, thoát khỏi danh lợi, ngay tu chứng cũng chẳng màng.

21. Một hôm có một ông tăng hỏi Mã Tổ :

-Ly tứ cú, tuyệt bách phi, xin hỏi ý tổ sư từ Tây sang là gì ?

-Hôm nay tôi mệt lắm, không giải thích cho ông được, ông đi mà hỏi Trí Tạng.

Ông tăng đi hỏi Trí Tạng, Trí Tạng hỏi lại :

-Sao không đi hỏi sư phụ ?

-Chính sư phụ bảo đệ đi hỏi sư huynh.

-Tôi hôm nay nhức đầu lắm, không giải thích cho ông được, ông kiếm Hoài Hải mà hỏi.

Ông tăng này lại đi hỏi Hoài Hải,Hoài Hải đáp :

-Tôi cũng chẳng biết.

Ông tăng này về thưa với Mã Tổ. Mã Tổ bèn nói :

-Đầu Tạng trắng, đầu Hải đen.

(Thiền chi hoa)

Trắng là minh đầu hợp, đen là ám đầu hợp đều là Thiền ngữ của thiền gia. Minh đầu hợp chỉ Dụng, ám đầu hợp chỉ Thể. Trí Tạng là Minh đầu hợp, vì nhức đầu nên không giải thích được, giả như không bệnh thì sẽ trả lời, đó là thế pháp, là Dụng. Hoài Hải là ám đầu hợp. Tôi cũng chẳng hiểu là chỉ tự tánh là Thể. Cứ như cách thấy của Hoài Hải thì tổ sư vượt ngoài cả khẳng định và phủ định không thể dung ngôn ngữ mà diễn tả được, cũng như Lão Tử quan niệm "Đạo có thể gọi thì không phải tên thường" hoặc cảnh giới "được ý quên lời" của Trang Tử.

22. Thủy Lão đến thăm Mã Tổ, hỏi :

-Ý tổ sư từ Tây sang là sao ?

-Ông lạy đi !

Thủy Lão bèn lạy, Mã Tổ đạp cho một đạp. Sư đại ngộ đứng dậy vỗ tay cười ha hả.

(Thiền sư khải ngộ pháp)

Ở đây phải hiểu là thiền sư đang ngồi ở mé thiền sang. Nếu thiền sinh đứng thì cái đạp không mạnh mẽ, nếu thiền sư cũng đứng thì sức đạp không đi đến đâu. Chỉ có lúc thiền sinh cúi đầu lạy, không ngờ thiền sư lại rat ay lúc đó thì cái đạp mới có tác dụng.

23. Ma Cốc theo hầu Mã Tổ, hỏi :

-Thưa thầy thế nào là Đại niết bàn ?

-Gấp.

-Gấp cái gì ?

-Xem nước !

(Công án 100)

Lúc đó hai thầy trò có lẽ đang đi dạo ở bên bờ suối, Ma Cốc đang suy nghĩ về vấn đề sanh tử niết bàn. Mục đích của người tu là giải quyết vấn đề sanh tử. Nếu vấn đề này chưa giải quyết xong thì phải nỗ lực tu hành, nếu không thì không giải thoát được, không thể ngưng nghỉ. Do đó, khi Ma Cốc hỏi, Mã Tổ đáp gấp, ý là ông mau vào Niết bàn. Niết bàn là bất sanh bất diệt, tịch diệt giải thoát cùng sanh tử tương đối. Ý nghĩa sanh tử có thể nhỏ, có thể lớn. Nhỏ nhặt như một vọng niệm khởi diệt, lớn hơn như đời người từ sanh tới tử, lớn hơn một tầng nữa là chết đi sống lại. Chết ở đây là chết đi mọi phiền não, vô minh. Sống lại là cứu nhân độ thế của tâm hạnh Bồ tát. Theo Thiền tong thì sống lại là đại tự tại, đại giải thoát, đại trí tuệ, đại từ bi, đại hoằng nguyện, không còn bị phiền não, không còn bị khốn quẫn. Câu đáp gấp của Mã Tổ là nói nếu ông chưa biết sanh tử thì phải mau lên. Đối với người đã giác ngộ thì sanh tử và Niết bàn chỉ là một. Mã Tổ nói xem nước ý là nếu ông còn hỏi Niết bàn là gì thì thì hãy xem nước vì đối với người đã ngộ thì xem bất cứ một sự vật gì, thể nghiệm bất cứ một hiện tượng gì, đều là ngộ cảnh.

*Đại niết bàn chỉ tự tánh. Mã Tổ bảo Ma Cốc xem nước là ám chỉ ông phải tự quan sát, tự thể nghiệm.

(Thiền cơ)

24. Một ông tăng hỏi Mã Tổ :

-Làm sao hợp Đạo ?

-Tôi sớm đã không hợp Đạo.

(Thiền sư khải ngộ pháp)

Câu trả lời của Mã Tổ khiến ông tăng không còn chỗ nào mà tìm cầu nữa.

25. Có ông tăng hỏi Mã Tổ :

-Phải lý giải thế nào để được Đạo ?

-Tự tánh vốn tự đầy đủ, chỉ cần trong thiện ác không bị dính líu thì đó là người tu. Giữ thiện bỏ ác, tâm quán không tịnh, thần nhập vào định, cứ thế mà làm. Còn như hướng ra bên ngoài mà tìm thì càng lúc càng xa đạo.

(Bồ đề linh quang)

Thiền ở trong tâm, Đạo ngay dưới chân.

26. Có một ông tăng muốn khảo nghiệm Mã Tổ, liền vẽ một vạch dài, 3vạch ngắn, rồi hỏi Mã Tổ :

-Không thể nói một dài, 3 ngắn, xin mời thầy nói.

Mói rồi đứng sang một bên chờ Mã Tổ trả lời.

Mã Tổ vạch trên mặt đất một vạch :

Không thể nói dài, ngắn.

Ông tăng trợn mắt, há mồm, có chút tỉnh ngộ.

(Thiền tư)

Thiền giả là người không chú trọng vào hình thức.

27. Mã Tổ có một lần ngồi thiền, nhịn không được nhổ một bãi đàm trên tượng Phật. Thị giả thấy vậy cho là không đúng vội hỏi :

-Lão sư, sao thầy lại nhổ đàm lên tượng Phật ?

Mã Tổ hung hắng hai tiếng hỏi lại thị giả :

-Trong hư không, chỗ nào cũng là pháp than Phật, tôi hiện đang muốn nhổ, ông bảo tôi nhổ vào đâu ?

Thị giả không biết trả lời làm sao !

Một lần khác, vẻ mặt khó coi, nhổ đàm vào khoảng không. Thị giả lại thắc mắc :

-Lão sư, sao nhổ đàm mà lại giận dữ vậy ?

-Tôi ngồi thiền ở đây, trong hư không, sơn hà đại địa, sâm la vạn tượng đều hiển hiện trước mắt làm phiền tôi, do đó tôi nhịn không được phải nhổ.

-Đó là cảnh giới tu chứng, có thể coi là chuyện tốt đẹp sao thầy lại cảm thấy phiền ?

-Như ông nói cố nhiên là chuyện tốt, nhưng đối với tôi lại là phiền.

-Đó là cảnh giới gì vậy ?

-Cảnh giới Bồ tát.

Thị giả nhíu mày lắc đầu :

-Loại cảnh giác này thực khiến người ta khó mà hiểu được !

-Vì ông là người, không phải là Bồ tát. –Bồ tát chẳng phải được gọi là giác hữu tình sao ?

-Vì ông là một tên ngu xuẩn bất giác làm sao có thể xưng là giác hữu tình.

Thị giả cuối cùng thể ngộ.

(Tinh vân thiền thoại)

Nhiều người tôn kính Phật nhưng không hiểu rõ Phật. Vì pháp thân Phật ở khắp hư không, tràn đầy pháp giới, Mã Tổ nhổ đàm trên tượng Phật biểu thị ông nhận biết pháp thân không đâu không có. Nhiều người khi ngồi thiền đều hoan hỉ khi thấy những cảnh lành, làm tăng them long tin, nhưng Mã Tổ lại thấy phiền chỉ rằng ông đã diệt trừ mọi sai biệt của các hiện tượng trong vũ trụ mà quay về bình đẳng, trừ bỏ nhân ngã ma quay về với cái một. Thị giả chấp vào thường kiến chẳng trách gì bị gọi là tên ngu xuẩn bất giác.

28. Một ông tăng đến tham Thạch Đầu, Thạch Đầu hỏi :

-Ông từ đâu lại ?

-Từ Giang Tây.

-Vậy ông có tới Mã đại sư không ?

-Dạ, có.

Thạch Đầu thuận tay chỉ đống củi hỏi :

-Mã Tổ có giống đống củi này không ?

Ông tăng không trả lời được, ở nơi Thạch Đầu không khế hợp được, lại quay lại Giang Tây, thuật cho Mã Tổ nghe. Mã Tổ cười hỏi :

-Ông thấy đống củi đó nặng bao nhiêu ?

-Con không xem kỹ.

-Ông thật rất khoẻ !

-Vì sao vậy ?

-Ông từ Nam Nhạc xa xôi, vác một đống củi về đây chẳng là mạnh lắm sao ?

(Tinh vân thiền thoại)

Đời Đường, các thanh niên tăng không đến Giang Tây tham học Mã Tổ thì đến Hồ Nam tham Thạch Đầu. Đó là căn nguyên của từ ngữ Giang Hồ, chỉ sự tham học. Về sau từ ngữ này biến nghĩa thành lão luyện, thậm chí còn chỉ những người bán cao đơn hoàn tán. Ông tăng trên chạy tới, chạy lui cũng tỷ như các tín đồ ngày nay hết đi chùa nọ đến chùa kia, vác một đống củi tới, lui mà chẳng biết nặng bao nhiêu.

*Ông tăng trên đường đi, tâm không bỏ đống củi xuống được nên Mã Tổ mới cười ông là rất khoẻ. Trong công án trên khi Thạch Đầu bảo :

-Mã đại sư có giống đống củi này không ?

là ám chỉ pháp than bình đẳng, tạo cơ hội cho ông tăng bầy tỏ kiến địa của mình. Rất tiếc ông tăng tâm như đống củi đã hạnh phụ tâm ý của Thạch Đầu.

(Thiền thú 60)

*Thiền luôn luôn chỉ đến chỗ tận cùng của chân lý (tự tánh). Các thiền sư khảo nghiệm, ấn chứng là xem các thiền sinh thể nghiệm tự tánh này như thế nào. Cái tự tánh này ở trong vạn vật nhưng lại độc lập, người thường dung lý luận chia chẻ nên không nhận ra. Ông tăng trong công án này không biết cái gì là Mã Tổ, cái gì là đống củi.

(Tứ lý thiền)

29. Mã Tổ ngộ đạo rồi, trở về cố hương, thân bằng cố lý đều lại thăm. Có một bà cụ sau khi gập mặt nói :

-Thì ra thằng nhỏ nhà họ Mã đã trở về.

Bà cụ hang xóm, đã thấy Mã Tổ từ nhỏ cho đến khi trưởng thành. Tuy bây giờ đã là một vị thiền sư, nhưng dưới mắt bà thì vẫn là đứa nhỏ nhà họ Mã. Thiền sư nhân đó cảm khái viết bài thơ :

Mải đạo quên quê cũ

Về quê Đạo chẳng thành

Bên suối một bà cụ

Gọi tên lúc tuổi xanh.

Bài thơ khải thị chúng ta không nên chìm đắm trong quá khứ êm đềm, đừng hạn chế tâm thức trong không gian nhỏ hẹp như ếch ngồi đáy giếng, phải mở rộng tầm con mắt. Đại trượng phu chí ở bốn phương, bốn bể là huynh đệ tu hành, không chỉ hạn chế ở quê hương.

(Thanh tịnh lưu ly)

30. Khi Mã Tổ về quê, bà chị dâu rất kính trọng ông, coi như bật thầy và cầu Đạo với ông. Mã Tổ bảo :

-Tẩu tẩu hãy lấy một quả trứng gà, dùng giây treo giữa khoảng không, hàng ngày chú ý lắng nghe, chỉ cần nghe thấy quả trứng phát ra tiếng là ngộ Đạo.

Bà chị dâu tin đó là thực, hang ngày chú ý lắng nghe không hề trễ nải. Đã nhiều năm trôi qua rồi mà vẫn không nghe được âm thanh nào của quả trứng phát ra cả. Dần dần, sợi giây treo quả trứng bị mục nát, một hôm đứt ra, quả trứng rơi bạch xuống đất. Bà chị dâu nghe rồi liền ngộ : nguyên lai vật ngả là một.

(Thanh tịnh lưu ly)

Tiếng bạch đó giúp bà chị dâu Mã Tổ đả phá trong, ngoài, nhân ngã, đạt tới cảnh giới như như.

31. Một hôm Mã Tổ đi kiếm Trí Tạng, thấy Trí Tạng đem các kinh Kim Cương, Pháp Hoa, Duy Ma Cật để trên giá sách bụi bậm , giống như đã lâu lắm không giở đến, lắc đầu . Trí Tạng cười hỏi :

-Sư phụ định phê bình con không đọc kinh sao ?

Mã Tổ lắc đầu :

-Không phải ! Tôi biết ông đã lãnh hội chỉ yếu của kinh thư rồi, đã dụng tâm để đọc, để thể hội không chú trọng đến hình thức. Tôi cũng biết ông căn khí bất phàm, tương lai sẽ dương danh Thiền pháp của Tào Khê.

Trí Tạng lạy tạ.

-Tôi có một phong thư muốn gửi tới Trung Quốc sư ở Trường An, ông có thể đưa giúp được không ?

-Xin sư phụ an tâm, con sẽ làm ngay.

Ngày hôm sau Trí Tạng lên đường, ngày đi đêm ngủ, 10 ngày sau tới Trường An. Khi gặp mặt Quốc sư hỏi :

-Sư phụ ông nói pháp gì ?

Trí Tạng không nói, đi từ Đông sang Tây.

-Còn gì nữa không ?

Trí Tạng lại đi từ Tây về Đông.

-Đây là thủ đoạn của Mã Tổ, còn ông thì sao ?

-Con sớm đã trình Quốc sư rồi.

Không lâu Mả Tổ lại sai Trí Tạng đưa thư đến cho Đạo Khâm. Đạo Khâm mở thư ra chỉ thấy trong thư vẽ một vòng tròn. Đạo Khâm chấm vào vòng tròn một điểm rồi gửi trả lại. Trung Quốc sư nghe được chuyện này phê bình :

-Khâm sư hãy còn bị Mã sư mê hoặc.

(Thiền thất dữ công án đích áo bí)

Mã Tổ thích đùa cợt người. ông vẽ một vòng tròn gửi cho Đạo Khâm là đạo lý gì ? Kỳ thực chẳng có đạo lý gì , chỉ là bình thường vẽ một cảnh giới tròn đầy cho Quốc Nhất. Quốc Nhất không ngờ đó là một cái bẫy nên rơi vào. Ô chấm một điểm vào vòng tròn là là công phu của ông, là chiếu cả bản lai diện mục. Nhưng điểm của ông còn bị vòng tròn bao vây. P6ng chỉ chiếu chứ không thể hoạt. Trung Quốc sư là người sáng mắt, lợi khẩu nên bảo Khâm sư bị Mã sư mê hoặc. Thực ra cái bẫy của Mã sư đã bị Khâm sư khám phá, nhưng vẫn bị rơi vào. Trung Quốc sư cũng vậy, cũng ở trong bẫy nốt. Vòng tròn của Mã sư vẽ thiên , vẽ địa, bất cứ ai cũng ở trong đó. Nhưng ở trong đó đâu có sao ? Chỉ cần thanh tịnh là được.

32. Đại Châu đến tham Mã Tổ, Mã Tổ hỏi :

-Ông từ đâu đến ?

-Con từ Việt Châu Đại Vân Tự tới.

-Ông đến đây làm gì ?

-Con đến cầu Phật pháp.

-Nơi đây tôi chả có gì cả, cầu Phật pháp cái gì ? Mình tự có kho báu không biết trân quý còn ra ngoài tìm kiếm gì nữa ?

-Không biết cái gì là kho báu nhà con ?

-Chính là người đứng trước mặt tôi đang hỏi pháp đó. Đó là kho báu nhà mình, có đủ tất cả không thiếu thứ gì, tự do xử dụng.

Đại Châu ngay đó đại ngộ.

(Nhất nhật nhất thiền)

Lãnh ngộ tự tánh rồi thì biết tự than mình ẩn tang vô hạn châu báu.

*Trong thế giới vật chất, tìm kiếm hạnh phúc và tự do là thường tình, cũng như tìm kiếm tiền tài, danh vọng đều là những thứ ở bên ngoài. Thiền dạy trái lại : phải tìm vào trong. Kho báu bên trong : Phật tánh luôn luôn mới mẻ, sống động và vô giới hạn.

(Zen Koan)

*Trong tâm mỗi người đều có đầy đủ điều kiện để thành Phật, không phải tìm Phật pháp ở bên ngoài. Khi sư phụ dẫn vào cửa, phương pháp là do sư phụ chỉ, nhưng khai ngộ là phải nhờ vào chính mình, vào sự dụng công của chính mình. Vốn không có gì gọi là cửa, nỗ lực là cửa, làm sao nỗ lực ? Bỏ xuống cái tâm chấp ngã, tự tư, phiền não, tìm cầu thì có thể kiến tánh thành Phật.

(Công án 100)

*Mỗi người đều có giá trị riêng của mình, cũng như mỗi hạt châu đều có vẻ sang riêng. Nhưng không phải ai cũng nhận biết điều này. Văn minh nhân loại là do sự sang tạo của con người chứ không phải là ân tặng của Thượng đế.

(Tứ lý thiền)

*Kho báu nhà mình tức là Phật tánh, cái mà Đại Châu muốn tìm chỉ là biết rõ điều này. Một khi tự than thấy rồi, về sau không còn nghi hoặc nữa. Đó là kiến tánh. Đại Châu khi mới gập Mã Tổ không lạy, biểu thị chưa chấp thuận Mã Tổ cho đến khi Mã Tổ nói về kho báu nhà mình. Đại Châu biết là Mã Tổ đã nói đến trọng điểm liền quỳ ngay xuống xin chỉ giáo. Cái lạy này không phải ai cũng tuỳ tiện nhận được. Tiếp được phải có bảo cụ để truyền. Con người giống như một phú ông có tiền của dấu ở một nơi nào đó mà không biết, trong tay không có một xu. Khi khai ngộ là thấy được của dấu, biết mình là phú ông.

(Thiền thú 60)

Huệ Hải sau khi đã khai ngộ rồi ở lại tham học với Mã Tổ 6 năm. Một hôm, gió thu thổi lá vàng rơi, chợt nghĩ tới Đạo Trí sư phụ ở Đại Vân Tự tuổi hạc đã cao nên muốn trở lại tuỳ thị bên cạnh. Ông bèn đến phòng phương trượng ngỏ lời với Mã Tổ. Mã Tổ bảo :

-Ông đã khai ngộ và được tôi ấn tâm, có thể tự lập môn hộ đại hoằng thiền pháp Tào Khê rồi. Ông nên về săn sóc thọ nghiệp sư, khi Đạo Trí viên tịch rồi ông có thể kế thừa đại chí của người.

-Thời gian của thọ nghiệp sư không còn nhiều, con chỉ muốn về phục thị sau đó sẽ trở lại.

-Huệ Hải, ông cứ an tâm đi đi.

Về tới Việt Châu, Huệ Hải trừ những lúc thị phụng Đạo Trí ra thì chỉ ngồi thiền, rất ít nói. Có người nói sau lưng :

-Tưởng đi tham Giang Tây Mã Tổ nhiều năm thì thong minh ra, nào ngờ hoá ra si ngốc.

Huệ Hải biết chuyện cũng không biện giải gì. Ông nghĩ Mã đại sư đem thiền pháp Tào Khê phát huy, những lời nói chí lý, kỳ diệu như hoa trời rơi rụng, không ai ghi lại, trăm năm sau còn ai biết đến ? Tại sao mình lại không kỷ lục lại những điểm tâm yếu của Mã đại sư hầu giúp cho kẻ học hậu thế ?

Do đó ông cặm cụi viết cuốn “Đốn ngộ nhập đạo yếu môn luận” . Một ông tăng lén lấy bản thảo đem trình Mã Tổ.

Mã Tổ giở ra xem :

-Cái tâm này không xanh, không vàng, không đỏ không trắng, không dài không ngắn, không tới không đi, không bẩn không sạch, không sinh không diệt, trạm nhiên thường tịch, đó là hình tướng của bản tâm.

-Đây là nội dung của kinh Kim Cương đây mà !

Lại đọc :

-Thế nào là giới, định, tuệ ? Thanh tịnh không nhiễm là giới, đối cảnh tịch nhiên là định, tâm biết nhưng không động là tuệ. Lý này rất khế hợp với Lục tổ Huệ Năng.

Lại đọc :

-Pháp than vốn không có hình tướng, ứng vật hiện hình. Nếu bảo xanh xanh tạp trúc là pháp than, xum xuê hoa vàng thẩy đều Bát nhã. Nếu nói hoa vàng là Bát nhã thì Bát nhã và vật vô tình không khác, nếu nói tạp trúc là pháp than, thì pháp than là đồng với thảo mộc. Nếu nói như vậy, một người ăn măng là ăn pháp than sao ? Pháp than vô tượng, nương tạp trúc mà có tượng, Bát nhã vô tri, nương hoa vàng mà hiện hình tướng. Do đó không thể bảo hoa vàng, tạp trúc là Bát nhã, pháp than.

Mã Tổ đọc đến đây khen ngợi :

-Coi đây đủ thấy Huệ Hải có căn khí đại thừa, đã lý giải tâm yếu của ta.

Mã Tổ chiêu tập đệ tử lại nói :

-Nay ở Việt Châu có một viên minh châu, tự tại vô ngại, là long tượng của thiền môn.

33. Có một ông tăng, tướng mạo đoan trang có pháp hiệu là Pháp Thường bước ra hỏi :

-Xin hỏi hoà thượng Phật là thế nào ?

-Chính tâm ông là Phật. Đạt Ma tử Tây sang Trung thổ chỉ để truyền cái pháp nhất tâm này. Cái mà Đạt Ma khai thị chính là câu nói này ở king Lăng Già : “Phật nói lấy tâm làm tông, lấy vô môn làm pháp môn.”

(Treung Quốc thiền tông)

Thiền của Mã Tổ đặt căn bản ở đốn ngộ “tâm là Phật” là Phật, người không ngộ câu này là chúng sanh. Do đó, ngoài chúng sanh không có Phật.

*Vô Môn Huệ Khai có bài kệ về công án trên như sau :

Ban ngày sang tỏ

Chớ đi tìm quanh

Lại hỏi sao thế ?

Cầm vật kêu oan.

Hạng người này chúng ta thường thấy trong xã hội, ngay chính chúng ta cũng thuộc hạng đó. Tự mình không làm đủ trách nhiệm lại còn nhận mình là người bị hại. Tự mình làm sai lại đổ thừa cho hoàn cảnh và người khác đúng như câu “vừa đánh trống vừa ăn cướp”. Ý câu nói này là phiền não là do mình tạo ra, lại còn oán trời, oán người. Rượu không làm say người, người tự say. Tự mình say sưa, lại còn nói là bị rượu làm hại. Ai bảo ông uống rượu ? Rượu là chất độc. Ông say vì ông không có cách nào tự chủ, không quản lý được chính mình.. Nếu như ông quản lý được tâm mình, biết rõ mình đang nghĩ

gì, làm gì ? Cái gì nên làm, cái gì không nên làm, cái gì nên muốn, cái gì không nên muốn thì lúc đó người ta có đút tang vật vào tay ông, ông cũng không nhận, há phải đợi đi lấy trộm? người ta đưa tài vật cho ông là có nguyên nhân, ông không nhận sẽ không

bị phiền não. Trên đời này có nhiều chuyện oan thật, chỉ cần có cơ hội là phải minh oan. Nhưng tay cầm tang vật mà kêu oan thì là lỗi ở mình, do sự sơ sót của mình, phải sám hối. Người trí không vĩnh viễn làm sai. Đừng đổ trách nhiệm cho người khác, đừng vu oan giá hoạ cho người thì tâm luôn luôn được bình thản.

(Công án 100)

34. Pháp Thường lần thứ nhất gập Mã Tổ, hỏi :

-Thế nào là Phật ?

-Tức tâm, tức Phật.

Pháp Thường giác ngộ ngau đó, về sau lên tu ở trên núi Mã Tổ phái một ông tăng đến khảo nghiệm. Ông tăng này hỏi :

-Khi ông ở với Mã Tổ, ông học được gì ?

-Mã Tổ dạy tôi : Tức tâm, tức Phật.

-Hiện nay Mã Tổ đã cải biến pháp rồi, tổ nói "Phi tâm phi Phật, ông thấy thế nào ?

Pháp Thường quát lên :

-Cái lão hoà thượng già này chỉ giỏi true người, ai cần biết phi tâm phi Phật là cái quái gì, tôi chỉ biết Tức tâm tức Phật.

Ông tăng này về thuật lại cho Mã Tổ nghe. Mã Tổ cao hứng bảo :

-Mai đã chin rồi !

(Thiền chihoa)

Mai đã chin rồi chỉ Đại Mai Pháp Thường đã khai ngộ. Tức tâm tức Phật chỉ sự khẳng định, phi tâm phi Phật chỉ sự phủ định. Mặc dầu Mã Tổ đã cải biến thuyết pháp nhưng tín niệm của Đại Mai vẫn không bị dao động, không tin theo thầy một cách mù quáng vì vậy mà được Mã Tổ khen ngợi.

35. Môn hạ của Mã Tổ có một vị cư sĩ là Bàng Uẩn, thấy mọi người ca tụng Pháp Thường, liền vào núi coi sao. Khi gập bèn hỏi :

-Pháp Thường sư huynh, tôi nghe nói Mã Tổ khen ngợi sư huynh :Mai đã chin rồi ! Không biết là mai có chín thật không ?

-Chín thật rồi, nhưng không biết ông làm sao ăn ?

-Chẳng phải là nhai rồi nuốt xuống sao ?

-Nếu là vậy, hãy trả lại cái hột cho tôi.

Hai người nhìn nhau, tâm tâm tương hội, ha hả cười lớn.

Một hôm, Bàng Uẩn hỏi Mã Tổ :

-Nước không gân cốt sao mang được thuyền lớn ?

-Nơi đây không có nước, cũng không có thuyền nói gì đến gân cốt ?

(Thiền cơ)

Nước chỉ bản thể giới, thuyền chỉ hiện tượng. Câu nói của Mã Tổ không chấp cả bản thể lẫn hiện tượng.

36. Bàng Uẩn hỏi Mã Tổ :

-Người không cùng vạn pháp làm bạn là ai ?

-Đợi ông hớp một ngụm cạn hết nước Tây Giang, tôi sẽ bảo.

Bàng Uẩn lập tức đại ngộ.

(Công án 100)

Vạn pháp là tất cả mọi hiện tượng hữu hình và tất cả mọi đạo lý vô hình. Trong mọi sinh hoạt những gì thấy, dùng, tiếp xúc đều là pháp. Con người không thể lìa sinh hoạt, lìa sinh hoạt thì không phải là con người; chỉ cần còn một hơi thở, than thể còn hoạt động, tâm lý còn hoạt động thì không thể lìa vạn pháp. Vậy thì người nào không là bạn của vạn pháp ? Câu hỏi này rất cao minh, lìa khỏi mọi quan niệm tương đối của sự vật, mọi ỷ lại, mọi ứng dụng thì người đó là người đã giải thoát, được tự tại, tâm không còn quái ngại. Tâm cảnh của người này không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả được. Câu của Mã Tổ là ý này. Lúc đó bỏ xuống mọi kỳ vọng của nội tâm, mọi tìm kiếm ở ngoại cảnh, ngộ cảnh liền hiển hiện.

*Câu trả lời của Mã Tổ có nghĩa là tự tánh không thể dùng lời mà nói được. Nhưng nói thẳng ra như thế thì không thú vị, không làm chấn động người nghe. Phải nói như Mã Tổ mới có sức mạnh lôi cuốn. Xét kỹ thì một ngụm cạn hết nước Tây Giang không phải là không thể làm được, vì Phật pháp có giảng hạt cải đựng núi Tu Di, đả phá sự

chấp trước không gian có to nhỏ của con người. Lục tổ cũng có nói : Ngờ đâu tự tánh vốn tự đầy đủ, có thể sinh ra vạn pháp. Tự tánh khi nhỏ thì không có gì ở trong, khi lớn thì không có gì ở ngoài nó. Sơn hà đại địa đều ở trong tự tánh. Do đó hớp một ngụm cạn hết nước Tây Giang cũng chẳng có gì là lạ. Câu nói của Mã Tổ xét về phương diện phủ định thì tự tánh không thể dùng lời để tả được, xét về phương diện khẳng định thì tự tánh là chân lý tuyệt đối không có lớn nhỏ sai biệt. Nhưng điều trọng yếu ở đây là câu nói của Mã Tổ như ngón tay chỉ cho Bàng Uẩn thấy mặt trăng. Câu nói hợp thời, hợp chỗ khiến Bàng Uẩn khai ngộ. Nếu đem câu nói này dùng như một khẩu quyết khai ngộ đưa cho người khác ở chỗ khác, lúc khác thì chưa chắc đã làm cho họ giác ngộ. Thời tiết, nhân duyên là xử dụng đúng lúc đúng sự, đúng lời, là kỹ năng cơ bản của thiền sư.

(Thiền thú 60)

*Khi Bàng Uẩn hỏi :Ai là người không cùng vạn pháp làm bạn ? thì Thạch Đầu bụm miệng cư sĩ không cho nói, còn Mã Tổ thì nói : Đợi ông hớp một ngụm cạn hết nước Tây Giang tôi sẽ bảo. Cả hai đều ngụ ý không thể dùng lời mà diễn tả tự tánh được.

(Thiền chi hoa)

*Về sau cũng có người đem câu hỏi của Bàng Uẩn ra hỏi Triệu Châu, Triệu Châu trả lời :

-Hắn không phải là người !

(Nhất nhật nhất thiền ngữ)

Người hỏi chạy trốn mọi độc thoát vô y (độc lập, không nương cậy vào gì) Triệu Châu phủ định loại người này. Người chân chánh độc thoát vô y, tương quan với vạn pháp thì mới có chỗ đứng có ý nghĩa. Vị vô vi chân nhân này phải làm bạn với vạn pháp mà thực hành bồ tát đạo chứ không phải dừng lại ở Phật cảnh Niết bàn.

37. Một hôm, giảng pháp xong. Mã Tổ trở về phòng phương trượng. Thị giả dâng trà giải khát. Bỗng có tiếng gọi :

-Mã đại sư.

-Có chuyện gì ?

-Đệ tử Đặng Ẩn Phong đến từ biệt.

Đặng Ẩn Phong người Kiến Châu (Phúc Kiến) đã theo học Mã Tổ ít lâu vẫn chưa được ấn chứng.

-Ông định đi đâu ?

-Con định tới Hồ Nam tham Thạch Đầu.

Mã Tổ cười :

-Cẩn thận, đường Thạch Đầu trơn lắm đấy.

-Sư phụ đừng ngại, đệ tử có mang theo gậy trúc, phùng trường tác hí, ứng phó được mà.

Đến nơi, ông đi nhiễu quanh thiền sang một vòng, chống gậy đứng mà hỏi tông chỉ của Thạch Đầu là gì ? Thạch Đầu không nhìn Ẩn Phong ngẩng đầu lên than dài :

-Trời xanh ! Trời xanh !

Ẩn Phong không lời đối lại, về thuật cho Mã Tổ nghe. Mã Tổ bảo :

-Ông đến hỏi lại, đợi Thạch Đầu trả lời thì ông hứ lại hai tiếng.

Ẩn Phong quay lại và cũng làm như cũ nhưng khi hỏi lại thì Thạch Đầu không nói nữa mà chỉ hứ hai tiếng. Ẩn Phong lại không lời đối được về kể cho Mã Tổ nghe. Mã Tổ nói :

-Tôi đã chẳng bảo ông trước là gì : Đường Thạch Đầu trơn lắm !

(Thiền chi hoa)

Câu của Mã Tổ là chỉ cơ phong của Thạch Đầu rất lợi hại, không dễ đối phó. Ẩn Phong tự thị thong minh, có mang theo gậy trúc không sợ đường trơn. Khi hỏi tong chỉ của Thạch Đầu, Thạch Đầu trả lời : Trời Xanh ! Có thể giải thích là hư không (Thiền gia thường lấy trời đất để trỏ hư không) là chỉ tự tánh; có ý nói tong chỉ mục đích của người tu là chứng ngộ chân như bản tánh. Hiển nhiên là Ẩn Phong không hiểu ý Thạch Đầu nên khi Thạch Đầu nói Trời Xanh ! là dùng ngôn ngữ, là chấp tướng do đó Mã Tổ

dạy Ẩn Phong dùng tiếng Hứ mà đáp, có ý bảo còn chấp. Đồng thời tiếng Hứ đồng thanh với tiếng Hư vừa đại biểu Hư không mà cũng không phải là ngôn ngữ. Chẳng ngờ Thạch Đầu biết đối phương có chuẩn bị bèn chiếm tiên cơ Hứ trước hai tiếng. Ẩn Phong vô phép mở miệng. Quả nhiên câu nói của Mã Tổ đã ứng nghiệm : Đường Thạch Đầu trơn lắm !

(Thiền chi hoa)

*Trời xanh dụ cho hư không, chỉ tự tánh. Có một khoảng thời gian thiền gia ưa dùng giả tá này. Thạch Đầu dùng từ này lần đầu rất hoàn mỹ, nhưng nếu dùng lại lần thứ hai thì sẽ là chấp tướng. Do đó, lần thứ hai Thạch Đầu không dùng mà chỉ Hứ hai tiếng. Tiếng Hứ vô nghĩa nhưng đồng âm với Hư nên cũng chỉ tự tánh.

Ẩn Phong sau hai lần thất bại này, trở về cố gắng tu tập, sau trở thành một vị thiền sư nổi tiếng.

(Thiền thú 60)

38. Khi Đơn Hà đến gập Mã Tổ, Mã Tổ hỏi :

-Ông từ đâu tới ?

-Con từ Thạch Đầu lại.

-Đường Thạch Đầu trơn lắm, ông có bị té không ?

-Nếu bị té thì con đã chẳng tới được đây.

(Tứ lý thiền)

Đường hiểm có người không dám đi, người đi được rất hiếm, người đi được và trở về bình an lại càng hiếm hơn.

39. Phạn đầu kêu :

-Tới giờ nghỉ rồi, xin mọi người ngừng tay, ăn cơm.

Nhưng đại chúng vẫn tiếp tục không nghỉ. Phạn đầu bèn tới trước mặt Mã Tổ :

-Sư phụ, xin người ngừng tay, người chẳng từng nói : Đói ăn mệt ngủ là phép thiền tối thượng sao ? Thầy không ăn chúng đệ tử cũng không dám ăn, nhà bếp chúng con làm sao hoàn thành nhiệm vụ ?

Mã Tổ cười ha hả, khoát tay bảo đại chúng đệ tử ngừng tay :

-Được rồi ! Các ông hãy ngừng tay, ăn cơm, uống trà.

Mã Tổ ngồi nghỉ duỗi chân bên đường, gập lúc Ẩn Phong đẩy xe qua. Ẩn Phong thưa :

-Xin thầy co chân lại, cho con đẩy xe qua.

-Tôi chỉ duỗi chứ không co.

-Con chỉ tiến chứ không lui.

Hai người không ai nhường ai. Về sau, Ẩn Phong cứ đẩy xe qua làm chân Mã Tổ bị thương. Mã Tổ nhịn đau, về pháp đường, cầm lấy một cái búa giơ lên, hét lớn :

-Ai đả thương chân tôi, mau ra đây !

Ẩn Phong chạy tới trước mặt Mã Tổ, vươn cổ ra cho chem.. Mã Tổ chỉ còn cách ném búa đi.

(Thiền chi hoa)

Yếu chỉ của sự học Phật là phá chấp. Đối với vạn pháp không khởi một niệm chấp trước. Kinh Kim Cương nói : Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm, câu của Mã Tổ Chỉ duỗi không co là có ý chấp tịnh, còn câu của Ẩn Phong Chỉ tiến không lui là chấp động. Cứ như câu truyện

trên cả hai dường như đều có chấp. Thực ra, đây chỉ là Mã Tổ muốn khảo nghiệm Ẩn Phong mà thôi, và cả hai người đã vượt qua quan niệm về động tĩnh. Vì vậy muốn làm là làm không bị động tĩnh bó buộc. Đó là tác phong của các vị thiền sư đã khai ngộ, không thể bắt chước một cách khinh xuất được.

40. Thị giả vào thưa :

-Sư phụ, ngoài cửa có một vị trưởng giả nói là ở Tứ Xuyên tới, thầy có tiếp không ?

-Tứ Xuyên là quê tôi, tôi tiếp chứ !

Mã Tổ xa quê đã lâu cũng muốn biết tin tức quê mình thế nào, thị giả dẫn khách vào, khách nói :

-Tại hạ Hoàng tam lang bái kiến Mã đại sư.

Mã Tổ thấy khách tóc bạc trắng vội nói :

-Xin lão tiền bối miễn lễ, xin mời ngồi, không biết tiền bối năm nay bao nhiêu tuổi ?

-Không dám ! không dám, tại hạ vừa 85 tuổi.

Lúc đó thị giả lại thưa :

-Trình sư phụ, ngoài cửa lại có một ông tăng muốn gặp.

-Bảo tôi đang có khách, mời lúc khác lại.

Ông cụ bỗng bảo :

-Chẳng ngại, cứ cho vào, tôi muốn xem Mã đại sư khai thị học nhân ra sao ?

Ông tăng vừa vào liền hỏi ngay :

-Xin hỏi thế nào là tu Đạo ?

-Đạo không cần tu, nếu nói có tu thì khi thành rồi sẽ hoại, đó là hang Thanh Văn, còn như không tu thì đồng với phàm phu.

Ông tăng không hiểu lại hỏi :

-Nếu vậy làm sao hợp Đạo ?

Mã Tổ thấy ông tăng còn chấp vào khái niệm bèn bảo :

-Tôi sớm đã không hợp Đạo.

-Vậy ý tổ sư là gì ?

Mã Tổ bước tới trước mặt ông tăng vừa đấm vừa đá.

-Đại sư ! Xin đừng đánh.

-Ông tăng độn căn này, không đánh thì ông vĩnh viễn không khai ngộ được, mà người thiên hạ sẽ cười tôi.

Mã Tổ đánh đuổi ông tăng ra khỏi phòng, nghe sau lưng có tiếng cười hô hố, quay đầu lại thì ra vị trưởng giả vỗ tay khen ngợi :

-Tốt lắm, quả là danh bất hư truyền. Thiền pháp của Mã đại sư thật lợi hại. Nếu không được thấy thì đã uổng một đời.

41. Bảo Tích đến Hồng Châu nghe Mã Tổ thuyết pháp, vẫn chưa lãnh ngộ tâm yếu. Mỗi khi thấy Mã Tổ khen ngợi cho một huynh đệ nào, thì cảm thấy mình còn nông cạn, ngồi thiền chẳng yên, tâm ý tạp loạn. Ông rời bỏ đạo tràng vào thị trấn giải khuây. Ông đến Hồng Châu đã mấy năm nhưng ngoài nghe giảng pháp, d0o5c kinh, ngồi thiền, rất ít khi ra phố. Hôm đó, ông đi ngang tiệm bán thịt heo nghe thấy một người khách nói :

-Bán cho tôi một cân thịt thượng hạng.

Người bán thịt bỏ dao xuống, khoanh tay trước ngực, nói rằng :

-Thớt thịt này chẳng phải toàn là thượng hạng sao ?

Bải Tích nghe câu nói đó bỗng nhiên tỉnh ngộ.

(Chánh pháp nhãn tạng)

Bảo Tích vì vấn đề thiện, ác đối lập làm cho phiền não, nghe được câu nói của người bán thịt rồi liền nhập vào cảnh giới bình đẳng vô sai biệt, không còn ác cũng không còn thiện.

Đi một quãng, Bảo Tích lại gặp một đám tang, người hát thuê rung chuông hát rằng :

Vầng hồng quyết định lặn về Tây.

Chưa biết uỷ hồn hướng về đâu ?

Người con hiếu ở dưới màn khóc huh u, Bảo Tích bỗng nhiên khai ngộ.

(Niêm hoa vi tiếu)

Nói bỗng nhiên là để diễn tả Bảo Tích trong tình huống ngẫu nhiên mà ngộ. Trải bao thời gian tìm tòi, cuối cùng trong lúc vô ý như một tia điện chớp loè đạt tới tâm phát sang, chiếu cả mười phương. Các thiền sư không thể nào giải thích tại sao tại lúc đó mà không tại lúc khác, ở trong tình huống đó mà không ở trong tình huống khác, mà bỗng

nhiên khai ngộ, chỉ tự mình thể hội.

Ông vội chạy về báo cáo với Mã Tổ :

-Mọi thống khổ đều do tâm phân biệt, vì có tâm phân biệt nên có cao thấp, ngắn dài, giầu nghèo, được mất, ly hợp, vui buồn. Nếu lấy tâm bình đẳng mà xét sự vật thì tất cả là một : ngoảnh về Nam nhìn Bắc Đẩu, cá rong chơi trên núi v . v . tất cả đều đẹp đẽ không thể tả được.

Lại nữa, cuộc đời như hạt sương, như điện chớp, như mộng ảo, bào ảnh, dù huy hoàng cuối cùng cũng trở về cát bụi. Cuộc đời nhắn ngủi không thể sống như một người chết, phải sống cho có ý nghĩa, phải tham suốt vấn đề sanh tử, phải minh tâm kiến tánh.

Mã Tổ lắng nghe ông tăng bình thời rất ít nói nay thì thao thao bất tuyệt kể thiền ngộ của mình, ông mỉm cười ấn khả cho Bảo Tích.

Về sau Bảo Tích có làm một bài kệ sau :

Tâm nếu vô sự

Vạn pháp chẳng sanh

Huyền cơ hết ý

Sao có bụi trần ?

(Thiền ngộ không nhân tâm)

Nếu trong tâm không có phiền não, vô minh thì mọi sự việc đều tự nhiên chu biến, viên dung, nơi nơi đều thấy hoa xuân thơm đẹp.

42. Lương toạ chủ người đất Thục, nghe tiếng Mã Tổ bèn tìm đến thăm. Hai người nói chuyện rất hợp. Mã Tổ thấy ông thong minh, kinh điển thong thạo bèn hỏi :

-Nghe nói toạ chủ khi giảng kinh thì thao thao bất tuyệt có đúng không ?

-Không dám, đại sư quá khen.

-Tôi có nghi vấn.

-Xin cứ hỏi.

-Ông lấy gì giảng?

-Tôi không dùng mồm, không dùng lời, mà dùng tâm.

-Tâm như kỹ nhi, ý như kỹ giả làm sao dụng tâm ?

-Không dùng tâm giảng chẳng lẽ dùng hư không ?

-Đúng ! Có thể dùng hư không.

Lương toạ chủ đứng dậy định đi, Mã Tổ gọi :

-Toạ chủ !

Toạ chủ quay đầu lại.

Mã Tổ hét lớn :

-Là cái gì ?

Tiếng hét như sấm nổ làm toạ chủ chấn động tâm can, phục xuống lạy tạ.

-Toạ chủ ngốc, sao ông lại lạy tôi ?

-Tôi từng giảng kinh như tôi ít người bì kịp không ngờ câu nói của đại sư khiến công nghiệp giảng kinh của tôi tan theo làn khói không còn tăm tích. Thật là thẹn !

Ông hướng Mã Tổ thi hành đại lễ, bái tạ rồi ra.

Về sau, dù có người hỏi ông cũng không hề nói một chút gì lien quan đến Phật pháp, khác hẳn lúc trước thao thao bất tuyệt, có người hoài nghi ông không phải là Lương toạ chủ. Có người đem chuyện này kể cho Mã Tổ nghe. Mã Tổ nói :

-Tốt lắm ! Đó là thoát thai hoán cốt, mừng cho ông ta ngay cốt đầu cũng đã biến đổi !

43. Mã Tổ lúc sắp mất, viện chủ hỏi rằng :

-Gần đây, hoà thượng tâm cảnh ra sao ?

-Phật mặt trời, Phật mặt trăng.

(Thiền chi hoa)

Phật mặt trời là chỉ trường kỳ dụ cho pháp thân. Phật mặt trăng là chỉ đoản kỳ dụ cho sắc than. Ý của Mã Tổ là : ở trên đời này sống lâu hay chết yểu không có gì là quan hệ cả; tối cần yếu là sống làm sao cho có ý nghĩa, làm sao phát hiện được chân ngã. Khổng Tử có nói : Sáng được nghe Đạo, chiều chết cũng cam. Khinh Nát Bàn cũng có nói : Phật tánh không thường, không vô thường mà là không gián đoạn. Đời sống của chúng ta có ý nghĩa khi thể nghiệm được cái bất đoạn ấy của tự tánh.

*Phật mặt trời, Phật mặt trăng dẫn xuất từ kinh Tam thiên Phật danh. Phật mặt trời thọ mạng l1 1800 năm, Phật mặt trăng thọ mạng chỉ có một ngày, một đêm. Mã Tổ đại sư định nói gì ?

Quản Nguyên Thời Bảo lão sư nhận rằng nói Phật mặt trời, Phật mặt trăng là nói không muốn chết ! Không muốn chết !. Nghe nói Ẩn lão sư khi bị giải phẫu kêu lớn :

-Đau quá, đau quá đi ! Ai nói không đau là nói bậy !

Khi cảm thấy trời đất là một phiến đau, nỗi đau mới chân chánh tồn tại. Đau đớn tột cùng đó là tâm cảnh nơi đây Huệ Huyền không co sanh tử. Cổ nhân còn nói them như vạn tên xuyên ngực.

Ngày mùng 1 tháng 2 năm Trinh Nguyên thứ tư Mã Tổ toạ thiền mà nhập diệt. Các đệ tử đem hoả tang theo nghi thức trà tỳ. Trong đám tro cốt các đệ tử nhặt ra được 1 đấu xá lợi. Những xá lợi này được đưa vào tháp ở Thạch Môn Sơn.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.